



Trích đoạn
***Thư Cho Thầy,
Lạt Ma Của Nhiều Đời Kiếp***

*Giới Thiệu về Tiểu Sử
của Đại Sư Garchen Rinpoché*

Tâm Bảo Đàn

*Tháng Giêng 2010
Viet Nalanda Foundation*

Namo Guru pé...
Kính lễ Đạo Sư...

Bạch Thầy tôn quý, hôm ấy, vào chiều ngày mồng 4 tháng Hai năm 2003, con đã đặt chân đến Phật viện Garchen tại Thung Lũng Chino, tiểu bang Arizona, để khởi sự cuộc phỏng vấn đầu tiên trong hàng loạt những cuộc phỏng vấn về Thầy.

Con cần phải thu thập dữ kiện để viết về cuộc đời Thầy.

Thầy còn nhớ chứ? Vào buổi tối hôm ấy khi Thầy trò cùng ngồi ăn tối, con đã kể lại cho Thầy và chư tăng ¹ nghe về một giấc mơ mà con đã thấy không đầy một năm trước đó không Thầy?

¹ Chư tăng ở đây gồm có thầy Traga Rinpoché, thầy thị giả Bu Nima, thầy Gape, và thầy Tamphel (sau này được biết đến dưới tên Khenpo Tamphel).

Con thấy mình đang đứng giữa một giảng đường rộng thênh thang, như con đã kể với Thầy. Lối lên giảng đường có rất nhiều những bậc tam cấp lớn bằng đá, và con nhìn thấy có nhiều người đang ngồi trong bóng tối, hàng này tiếp hàng nọ. Họ lặng thinh chuyển mình như những đợt sóng lùa từ bên này sang bên kia, nhịp nhàng, yên lặng. Buổi giảng vừa đến hồi kết thúc. Không gian được niêm kín lại bằng bóng đêm dày đặc ở bên ngoài, và bên trong được thấp sáng lờ mờ bởi một hàng nến bằng bơ lung linh. Pháp toà của Thầy được đặt ở bên cạnh bệ thờ trong căn giảng đường ấy, và con nhớ mình đã tự hỏi rằng, *“Tại sao pháp toà của Thầy lại nằm ở một bên của bệ thờ như thế nhỉ?”* Con chưa từng thấy nơi này trước đây.

Thoắt nhiên, Thầy bắt đầu cất bước rời khỏi căn giảng đường, cùng với thầy thị giả Bu Nima và một người đàn ông khác nữa bên cạnh. Con thấy mình đã hồi hả chạy băng đến bên Thầy. Khi vừa ngừng lại trước mặt Thầy, chỉ trong khoảnh khắc, con đã vụt giơ bàn tay phải của mình ra, áp bàn tay ấy vào ngực Thầy rồi nói, *“Thầy ơi, con biết tim Thầy ở ngay đây... và bây giờ, con đang chạm được vào trái tim ấy đây này.”*

Đó là những gì con đã nói với Thầy. Đó là những gì con đã nghe thấy mình nói. Giọng nói của con gần như rạng rỡ, giống như một đứa bé, quá đỗi kinh ngạc vui mừng vì điều nó vừa khám phá!

Con nhớ lúc ấy con đã thầm nghĩ, *“Nhưng mà đây là bên phải! Bên phải! Thường thì trái tim đâu nằm ở ngực bên phải đâu nào!”* Cho dù đã nghĩ như thế, nhưng con vẫn áp chặt tay con vào lồng ngực của Thầy, và con có cảm giác như là điều mà con vừa thốt ra một giây trước đó lại vang lên lần nữa tự đáy lòng mình.

Một khắc thời gian vụt lướt qua.

Khi Thầy đặt bàn tay phải của mình lên mu bàn tay con đang áp trên ngực Thầy, thì khi ấy, chung quanh chỉ là một sự im lặng hoàn toàn. Khuôn mặt của Thầy kề sát mặt con, và con cảm nhận được hơi ấm nóng từ tay Thầy lan tỏa. Thầy đã nhìn sâu vào mắt con, và chỉ nói một cách đơn giản với con rằng, *“Đúng thế. Tim của Thầy ở ngay đây. Và con đang chạm được vào trái tim ấy đấy.”*

Một khắc thời gian nữa lại vượt qua.

Bình minh đang nhanh chóng ủa đến, và một ngày mới mẻ, tinh khôi đang được dẫn lối vào. Con phóng mình ra khỏi giấc mộng, cảm thấy sự hiện diện của Thầy trên lòng bàn tay con!

Chẳng có gì trên lòng bàn tay ấy, nhưng sao con cứ tiếp tục trở mắt ra nhìn, có cảm giác như có một *cái gì* đang nằm ở đó, thật sự có ở đó. Bên ngoài, giữa những cánh rừng, ánh sáng đang nhẹ nhàng lên, và chỉ một thoáng sau, mặt trời của buổi sớm mai hồng đã lặn lẽ lên mình vào đến được bên trong căn phòng của con rồi...

Nhưng mà... sao con vẫn cảm thấy như có một *cái gì* thật bé xíu và vô cùng quý giá như đang chực nhảy vọt ra từ giữa lòng bàn tay mình! Con gần như đoán chắc rằng *cái gì* đó đang nằm ở đó, đang phát ra năng lực, đang đập nhịp nhàng! *Cái gì* bé xíu và trân quý đó thật vô cùng sống động, giống như là đang dung chứa một năng lực không thể nghĩ bàn, mãnh liệt lắm, bao la lắm – năng lực của từ bi, và năng lực ấy, bỗng nhiên ngập tràn toàn khắp thân con, ngập tràn tất cả những giác quan của con.

Con đã phải lấy bàn tay trái của mình xoa mạnh trên lòng bàn tay phải, trong lòng thâm nghĩ, hay là sẽ có một *cái gì* đó sẽ thật sự hiện ra để con có thể nắm bắt được. Trong lòng con lúc ấy dâng tràn một cảm giác hoàn toàn choáng ngợp nhưng cũng hoàn toàn hỷ lạc.

Con cất tiếng gọi Thầy, “*Rinpoché ơi!*,” và yên lặng khóc...

Đó là vào mùa xuân của năm 2002.



Một tháng sau đó, Thầy đã đến nhà chúng con ở tiểu bang Maryland trong chuyến thăm viếng và hoằng pháp hằng năm ở miền Đông Hoa Kỳ. Một buổi nọ, cô Lee đến đưa hai thầy thị giả Bu Nima và A Bu, cùng với ông thông dịch viên người Tây Tạng tên Tashi ra ngoài đi công việc, để lại mình con với Thầy ở lại nhà dùng trưa. Vắng người nên căn nhà tự nhiên trở nên im lặng một cách bất thường, chẳng có ai cả ngoại trừ hai thầy trò cùng ăn bữa trưa với nhau. Con

đã dâng cho Thầy món mì nước *thukpa* như thường lệ, và đã ngồi ăn chung với Thầy trong căn phòng ăn rực tràn ánh sáng.

Có một lúc, con đã nhìn vào cái nải mà Thầy luôn luôn đeo quanh ngực -- giống như chiếc kính luân trên tay, cái túi vải ấy gần như chẳng bao giờ rời khỏi người Thầy! Con không nói được tiếng Tạng mà Thầy lại chẳng nói được tiếng Anh, nên con đưa tay chỉ vào cái nải, làm một số cử chỉ vui đùa và hỏi Thầy rằng, Thầy ơi, Thầy đựng gì trong cái túi vải này thế? Con đã thật hết sức ngạc nhiên khi thấy Thầy đặt chiếc kính luân trên tay xuống bàn và bắt đầu lục tìm trong chiếc túi. Một hồi sau đó, Thầy từ tốn lôi ra từ trong túi một món đồ được quấn trong một miếng vải màu hồng đào, nhìn giống như vải lụa nhưng đã sờn màu và cũ kỹ. Con sững sờ nhìn Thầy cẩn thận, chậm rãi, lần giở những lớp vải quấn quanh, từng lớp từng lớp một, để lộ ra một quyển sổ tay tí hon, bé tí xíu, màu đỏ sẫm, chỉ vào khoảng 2,5 cm x 5 cm.

Những mảnh rèm thời gian đang được từ từ vén lên... Những trang giấy ngả màu của quyển Pháp bảo cất dấu lâu ngày bây giờ đang bắt đầu



*Garchen Rinpoché đang cầm chiếc kinh luân
và quyển sổ tay bé xíu.
Hình chụp © Katherine Lambert (2006)*

hé mở, và những trang giấy ấy thì thâm vào tai con những điều bí ẩn đã bao năm chôn dấu... Một thế giới xa lạ nhưng không hiểu sao lại rất gần gũi thân quen bắt đầu nhảy múa trước mắt con...

Chẳng nói chẳng rằng chi cả, Thầy cứ thế mà với tay ra tìm bàn tay phải của con, xòe mở lòng bàn tay con ra, và đặt vào giữa lòng bàn tay ấy cái quyền số tí hon kia.

Ôi chao, cái quyền số ấy mới quả thật là.... bé tí xíu, thật vô cùng bé xíu!

Con có cảm giác muốn bật khóc ngay khi quyền số ấy chạm vào tay mình. Bỗng nhiên, con nhớ lại khuôn mặt của Thầy trong giấc mơ đã vội lướt qua hôm nào, giảng đường chìm trong bóng tối, cảm giác hỷ lạc, năng lực từ bi bao la không thể nghĩ bàn, trái tim của Thầy, buổi sớm mai hồng vừa chớm nở... Con đã nhìn sững vào quyền số tay màu đỏ bé xíu xíu ấy, không thốt được nên lời, chẳng biết phải nói gì với Thầy...

Bạch Thầy tôn quý, Thầy còn nhớ chứ? Thầy đã tiếp tục lập đi lập lại những từ tiếng Tây Tạng

với con như thế nào, và cố gắng diễn tả cho con nghe về quyển sổ tay tí hon đó như thế nào không? Ngôn ngữ mà Thầy sử dụng, một loại thổ âm của miền Đông Tây Tạng, vừa như ấp ú, thân quen, vừa xa xôi kỳ bí -- chẳng có một âm thanh nào thốt ra từ Thầy mà đôi tai phàm của con có thể hiểu được. Nhưng mà, không biết tại sao, qua những động tác trên khuôn mặt và đôi tay của Thầy, con đã thâm hiểu hết, và sau đó, đã có thể kiểm chứng lại với người thông dịch viên Tây Tạng về những điều thầy nói.

Con đã hiểu ra rằng, trong thời gian bị giam cầm trong nhà tù Trung Quốc, Thầy đã lén lút ghi chép và kín đáo dấu kỹ quyển sổ tay này trong người! Con nghe Thầy thì thâm bên tai những tên gọi như Milarepa, Tara, Mahamudra, và rồi, con nghe thấy từ Thầy danh hiệu Khenpo Munsel. Bên trong quyển sổ tay, có một tấm hình trắng đen tí hon của Sư Ông Khenpo Munsel, vị đạo sư gốc, vị *Lạt Ma*, *Lama* yêu quý của trái tim Thầy. Những chữ viết được Thầy ghi chép trong quyển sổ tay ấy chỉ bé xíu bằng như cái chân của một con kiến mà thôi!

Bạch Thầy, Rinpoché tôn quý, từ ngày đó cho

đến nay, con đã biết được thêm rằng trong gần suốt hai mươi năm trời, Thầy đã phải trải qua những ngày tươi đẹp nhất của tuổi hoa niên trong lao tù sau khi Tây Tạng bị Trung Quốc cưỡng chiếm. Khi ấy, Thầy là một vị đạo sư hoá thân còn non trẻ, chỉ vừa chớm hai mươi, nhưng bên trong vị lạt ma hoá thân non trẻ ấy lại là cái hùng hực nóng nảy và sắt đá của một con người võ biên. Chính ở trong lao tù mà Thầy đã được gặp vị sư phụ có duyên tiền kiếp với mình – *Lama Khenpo Munsel*, và cũng chính Sư Ông Khenpo Munsel đã dạy cho Thầy hiểu được thế nào là tình yêu thương đích thực.

Ở nơi đó, trong lao tù, Thầy đã tiếp tục tu tập dưới sự hướng dẫn của Sư Ông, và ở chính nơi đó, Thầy đã có thể tịnh hoá được giòng tâm thức, phá vỡ được tâm sân hận đối với kẻ thù và chuyển hoá được tâm phiền não ô nhiễm thành tâm thuần khiết, sáng ngời, dung chứa tình yêu thương vô ngã cho tất cả chúng sinh không sót một người một loài. Thầy đã chứng được tuệ giác của Sư Ông, của vị bổn sư, *Lama* tôn quý, và từ đó, Thầy đã luôn luôn ghi tâm khắc cốt và luôn an trú trong cùng một giòng tâm thức với Sư Ông.

Sau khi con say sưa nhìn ngắm từng trang giấy đực màu trong quyển sổ tay nhỏ bé ấy, bạch Thầy, Rinpoché tôn quý, Thầy còn nhớ chứ, cái giây phút mà con ngược lên nhìn Thầy và bật thốt lên rằng, *“Rinpoché oi, một ngày kia, con sẽ viết lại về quyển sổ tay màu đỏ tí hon này của Thầy...”*?

Con biết chắc rằng Thầy không hiểu được bất cứ lời nào con nói, cũng chẳng hiểu được cái thứ ngôn ngữ kỳ lạ mà con dùng để đối thoại với Thầy. Nhưng con thật sự chẳng có chút gì ngờ vực mà có thể đoán chắc rằng, tận sâu thẳm trong trái tim Thầy, thì Thầy tất đã biết hết rồi!

Qua ngày hôm sau, trong buổi trình pháp riêng với Thầy, con đã thỉnh cầu và Thầy đã hoan hỷ chấp thuận, cho phép con được ghi chép lại câu chuyện cuộc đời Thầy. Thầy bảo con rằng, *“Hãy đi đến Arizona, rồi Thầy sẽ kể hết cho con nghe về cuộc đời Thầy, và rồi con có thể viết lại về cuộc đời đó, cả tốt lẫn xấu...”*

Cho nên vào mùa đông năm 2003, con đã rời nhà đi đến Thung Lũng Chino ở Arizona và ở lại đó một thời gian để phỏng vấn Thầy, chuẩn

bị cho việc viết sách.



Thầy ơi, vào buổi tối đầu tiên tại trai phòng ở Arizona, vừa sau khi nghe con kể xong về giấc mơ của con cho Thầy và chư tăng nghe thì thầy Traga Rinpoché đã hỏi con rằng, con có biết gì về câu chuyện của vị đệ tử của Milarepa tên là Rechungpa không? Và có biết gì về giấc mơ cát tường của Rechungpa khi ngài nằm mộng thấy mình đi du hành đến thăm cõi tịnh độ của các vị thiên nữ *dakini* không? Giấc mơ này là điềm báo trước rằng sau này, Rechungpa là người sẽ ghi chép lại toàn bộ câu chuyện cuộc đời của vị đạo sư tôn quý Milarepa.

Câu hỏi của thầy Traga có hơi bất ngờ đối với con, và vào giây phút đó, con không thể nào hồi nhớ lại được tất cả những chi tiết liên quan đến đại hành giả du già Milarepa và đến vị trưởng tử, Rechungpa, người được ví như là đệ tử-mặt

trắng² của ngài. Thật sự, con chỉ là một đứa học trò sơ cơ, mới bước vào được cánh cổng Phật Giáo Tây Tạng chỉ một thời gian ngắn trước đó thôi. Và cho dù con đã được nghe và đọc về câu chuyện của ngài Milarepa thì các chi tiết vẫn không hoàn toàn được rõ ràng, sắc nét trong đầu óc con.

Qua đó, thầy Traga Rinpoché bắt đầu kể cho con nghe về câu chuyện của Rechungpa. Một hôm, đệ tử Rechungpa nằm mộng thấy mình được các vị thiên nữ, *dakini*, mời đến viếng thăm cõi tịnh độ. Ở tại cõi đó, ngài đã được nghe Đức Phật Bất Động Như Lai (*Akshobya*) tuyên thuyết về cuộc đời của rất nhiều các vị đạo sư cao thượng, chẳng hạn như về các ngài Tilopa, Naropa và Marpa. Vào cuối thời Pháp, Đức Phật đã truyền cho đại chúng hay rằng vào ngày hôm sau, ngài sẽ tuyên thuyết một câu chuyện cuộc đời còn tuyệt diệu hơn thế nữa, và câu chuyện này sẽ làm lu mờ tất cả những gì mà họ đã được nghe trước đây. Đó chính là câu chuyện cuộc đời của Milarepa.

² Ngài Milarepa có nhiều đại đệ tử, trong đó, Rechungpa được ví như mặt trăng và Gampopa ví như mặt trời.

Đệ tử Rechungpa choàng thức dậy, và hiểu ra được giấc mộng kia là một điềm báo cho biết rằng ngài cần phải thỉnh cầu sư phụ kể lại cho nghe về cuộc đời phi thường của ngài. Rồi sau đó, trong một giấc mơ thứ nhì, Rechungpa lại được gặp lại các vị thiên nữ thêm một lần nữa ở cõi tịnh độ, và những vị ấy đã khuyến khích Rechungpa đừng ngần ngại làm theo ý nguyện. Vào buổi sáng hôm sau, với trái tim chan hoà nguyện ước, với quyết tâm ghi lại tiểu sử cuộc đời của đại thánh sư Milarepa để đem lại lợi lạc cho những thế hệ về sau, đệ tử Rechungpa đã tìm đến sư phụ và liên tiếp thỉnh cầu thầy, nài nỉ xin thầy kể lại về cuộc đời phi thường ấy.



Khi con quay trở về lại nhà ở Maryland sau mười ngày sống ở thiền viện và trải qua những buổi phỏng vấn rất sôi nổi, kỳ thú với Thầy, việc đầu tiên con làm là lôi xuống từ trên kệ sách tập tiểu sử của Milarepa, vị đại thánh sư và đại thi hào của dân tộc Tây Tạng. Con bắt đầu đọc đi, đọc lại tập sách ấy.

Vào buổi bình minh của cuộc đời, Milarepa cũng chỉ là một con người tầm thường, giống như tất cả chúng ta là những con người tầm thường, và do ảnh hưởng của bà mẹ cùng với tiếng kêu gào phải trả hận của bà mà Milarepa đã phạm phải đại ác nghiệp. Nhưng sau đó, nhờ có được lòng ăn năn thống hối, nhờ có được niềm tin sắt đá vào luật nhân quả, nhờ phát khởi được tâm xả ly chán ghét luân hồi, và nhờ có được nỗ lực miên mật, một lòng tu tập không ngưng nghỉ để tự giải thoát mình ra khỏi bánh xe trầm luân... Nhờ thế mà Milarepa đã nhẫn nhục chịu đựng, trải qua những khó khăn cùng cực không thể nào tưởng nổi, để chí tâm chí thành tu tập y theo những gì sư phụ đã chỉ dạy. Trong những hoàn cảnh và thử thách vô cùng nghiệt ngã, Milarepa đã có thể tịnh hóa được những mê lầm, nguồn gốc của tất cả mọi đau khổ. Người ta nói rằng, Milarepa đã đạt được giác ngộ chỉ trong một đời.

Thầy ơi, không lâu về trước, con chỉ thấy có đức Quan Âm-Tara trong Thầy.

Giờ đây, trong Thầy, con còn có thể thấy được cả Milarepa.

Sau khi đọc lại quyển tiêu sử thì mọi thứ bắt đầu từ từ bùng mở một cách thật sống động và rõ ràng trong tâm trí con, tựa hồ như là mỗi hàng mỗi chữ trong câu chuyện cuộc đời của Milarepa đang phóng tỏa ra những luồng ánh sáng mặt trời vàng óng, xua tan đi những lớp mây dày đặc, đen tối trong con!



Không lâu sau đó, con bắt gặp được những hàng thơ sau đây của Francesca Fremantle trong quyển “*Tánh Không Chói Sáng: Cẩm Nang Hướng Dẫn Về Tử Thư Tây Tạng*.”³

*Hiểu được rất ít những lời Thầy dạy,
Ngay cả chút ít đó cũng không đem được
vào thực hành,
Làm sao con có thể viết về những điều này*

³ Fremantle, Francesca. *Tánh Không Chói Sáng: Cẩm Nang Hướng Dẫn Về Tử Thư Tây Tạng (Luminous Emptiness: A Guide to the Tibetan Book of the Dead)*. Boston: Shambhala Publications, 2003. Bốn câu thơ bằng Anh ngữ như sau: “*Understanding very little of my guru’s teachings, even that little not put into practice, how can I write as though it has entered my heart, like a dewdrop dreaming that it can hold the sun?*”

*tựa hồ như đã xuyên thấu con tim,
Giống như một hạt sương mai
đang mộng mơ có thể ôm trọn mặt trời?*

Đó là vào khoảng tháng Chín năm 2003.

Ở nơi con ở, lúc ấy đang chớm vào Thu. Một ngày nọ, vào buổi sáng sớm, con đã đứng trong căn phòng “của Thầy” ở trên lầu – phòng của Rinpoché, như mọi người trong nhà thường hay gọi thế. Con đứng yên, mãi mê nhìn ngắm bìa rừng ở phía sau, xuyên qua một khung cửa sổ rất lớn. Con nhìn thấy từng hạt, từng hạt sương mai đang bắt đầu tan xuống trên những cành cây sẫm màu... Ánh nắng mặt trời đang nhẹ nhàng hôn lên tất cả – cánh lá, nhánh cây, cụm đá, triền đất thoải thoải dốc, cái tổ chim đã bỏ quên trên cành... Nụ hôn của nắng ban mai rất dịu nhẹ và rất ngọt ngào. Buổi sáng vào thu lúc nào cũng nhẹ và ngọt như thế, và con đã ôm trọn được vào lòng những đám mây mềm mại, lang thang... Ngay giữa màn biểu diễn rất thâm lặng của thiên nhiên ấy, từng giọt, từng giọt sương mai cứ tiếp tục tan biến đi trước mắt con, chỉ trong một cái nháy mắt mà thôi...

Con rời căn phòng với những giòng thơ của Fremantle đeo đuổi, kéo dài, ray rức... Nhiều ngày và đêm trôi qua, con nghe thấy những giòng thơ ấy bên trong con. Mỗi khi nghĩ đến lời thơ ấy thì con thấy trái tim mình lại nhói lên một chút...



Và cứ thế, từng chút, từng chút, như năm tháng cứ thế mà chậm rãi, từ tốn trôi qua, con đã dần dà hiểu được ra rằng những giọt sương mai ấy đâu có tan biến đi một mình, trong khi mặt trời thì lại ngự riêng ở một chốn nào khác để chạy đuổi theo hàng hàng lớp lớp những cụm mây trôi nổi đâu nào.... Mà sự thật là ánh mặt trời đã tan hòa vào trong những hạt sương ấy rồi! Sương và mặt trời đã trở thành một, và đồng lúc, đã cùng tan biến với nhau...

Trong mỗi hạt sương, là sự hiện diện của mặt trời!



*Namo Guru pé...
Kính lễ Đạo Sư...*

Bạch Thầy tôn quý, Thầy còn nhớ chứ, khi con hỏi Thầy rằng, Thầy ơi, con phải nên thực hành các chuẩn bị nào, phải nên hành trì pháp môn gì để có thể hoàn tất một cách viên mãn dự án viết tiểu sử này, để việc làm này có thể đem lại lợi ích cho người khác? Và câu trả lời của Thầy cho câu hỏi của con?

“Hãy cầu nguyện đức Quan Âm - Tara, nhưng đừng cầu nguyện với ý tưởng xin ngài ban ân phước hay giúp đỡ, mà hãy cầu nguyện cho đến khi nào con cảm thấy được năng lượng từ bi của Tara thấm đẫm trái tim mình. Khi tâm con và tâm của Tara hòa thành một, thì rồi ra, con sẽ hiểu, và con sẽ có thể viết về Thầy từ trái tim con....”

Vào buổi tối đầu tiên ở Arizona, sau khi nghe được lời khuyên dạy của Thầy, con như sáng ra hơn, hiểu ra hơn. Thật sự, lời Thầy khuyên đã làm cho con phải cảm thấy hổ thẹn. Con nhìn thấy ra được cái hời hợt, nông cạn của bản thân mình. Thầy đã giúp cho con hiểu ra được cái soán suýt, khít khao, giữa hạnh nguyện to lớn

của Thầy với cái công việc tinh tế cực kỳ khó khăn mà một đứa học trò yếu kém như con lại muốn vận sức, thử đưa chân...

Sau đó, con đã đi bộ từ căn nhà của các *lama* đến khu chánh điện trên đất của thiền viện. Bên ngoài trời lạnh buốt, và con có thể nghe được những cơn gió lồng lộng đuổi rít theo nhau ngang qua những vùng thung lũng trống trơn, quạnh vắng. Thầy Traga đang một mình lễ lạy trong chánh điện, toàn thân thầy trái rạp xuống trên sàn gỗ, nhất nhất cử động đều nhẹ nhàng, uyển chuyển. Hết sức yên lặng, con đã từ từ ngồi xuống, lưng dựa vào một vách tường nhỏ đối diện với bệ thờ.

Đó là lần đầu tiên con đã ngồi xuống trong căn chánh điện thênh thang ấy vào buổi tối. Và rồi, thoắt nhiên, con bắt đầu nhận biết ra được tất cả. Có rất nhiều những bậc tam cấp lớn dẫn lên chánh điện, và trước mặt, ở tí xa xa, là những hàng thung lũng màu đất đỏ. Bên ngoài trời tối đen như mực, nhưng nếu chịu khó ngược đầu lên cao thì ta sẽ nhìn thấy được một biển sao trời lấp lánh, sáng rực giữa bầu trời sa mạc về đêm! Bên trong, chẳng có chút ánh sáng nào cả ngoại

trừ một dãy đèn nhỏ hình hoa sen nhiều màu sắc được đặt trên bệ thờ. Cạnh đó, là pháp tòa của Thầy đặt ở một bên. Những chiếc đèn hoa sen hắt ra ánh sáng dịu dịu cùng với những chiếc bóng mờ nhạt trong phòng, làm cho con nhớ đến những ngọn đèn lơ lửng trong mơ.

Con chấp đôi bàn tay lại và bắt đầu cầu nguyện đức Quan Âm – Tara...

Thầy ơi, vào giây phút đó, con đã nhận biết ra được rằng, chính là ở trong căn chánh điện rộng thênh thang này mà con đã chạm được vào trái tim của Thầy trong giấc mơ qua...



Buổi sáng cuối cùng trước khi con rời khỏi Arizona sau loạt phỏng vấn Thầy lần đầu tiên, Thầy bảo con đừng lo ngại là sẽ mất bao lâu thời gian để hoàn tất quyền tiểu sử. Thầy đã xoa đầu con để gia trì và đã giúp cho con thêm vững lòng khi nghe Thầy nói, *“càng lâu mà lại càng tốt, con ạ.”*

Từ đó đến nay, con đã nhiều lần quay trở lại Thung Lũng Chino để thực hiện những cuộc phỏng vấn tiếp nối, với Thầy và với chư tăng, và con cũng đã nhiều lần qua ngôi yên ở đó để lo việc viết lách. Những cánh lá thời gian cứ tiếp tục đổi màu, cùng với bốn mùa của cuộc đời, chúng cứ thế mà rơi lã chã không ngừng nghỉ, lá này tiếp lá kia, mùa này qua mùa nọ...

Trải qua một số năm trời và trải qua rất nhiều những chướng ngại mà con đã phải chạm mặt trên đường con đi, con có cảm giác rằng con thật sự đã bỏ ra rất ít thời giờ để viết về câu chuyện đời Thầy, mà thay vào đó, đã loay hoay tốn mất không biết bao nhiêu thời gian để lùng tìm cho ra từng giọt ý nghĩa chân thật, từng sự chuyển hoá của lẽ thật nhiệm mầu, trong trái tim con. Đã nhiều lần qua, khi con quán chiếu về toàn bộ những diễn biến này, quán chiếu về những mê lầm của con trên chuyến du hành thiêng liêng để đến được với sự trưởng thành tâm linh, đến được với trái tim của Thầy – trái tim của Tara... Càng quán chiếu về những mê lầm của bản thân như vậy thì con lại càng gần như đoạn chắc rằng thật khó lòng để con có thể hoàn tất được công việc viết tiểu sử của Thầy trong cuộc đời này

như con đã tự đề ra!

Bây giờ, con mới nhận biết Thầy quả thật là từ bi và sâu sắc biết bao nhiều khi đã bảo với con rằng, con đừng lo ngại, chẳng có gì vội, bao lâu cũng được, hãy cứ thông thả, từ tốn mà viết...

Thật ra, đó chính là để cho trái tim của con có cơ hội trưởng thành...



Cho nên con đã nguyện cầu, luôn nguyện cầu, rằng nương vào tác ý thanh tịnh và nỗ lực không gì lay chuyển được đến từ sâu thẳm trong trái tim *chung nhất* của Thầy và con, câu chuyện cuộc đời của Thầy sẽ hóa hiện, và câu chuyện ấy sẽ là nguồn cảm hứng, đem được ánh sáng giải thoát đến cho nhiều người...

Nguyện cho cuộc đời phi thường và tiêu sử của đại sư Kyabjé Triptrul Garchen Rinpoché sẽ làm lợi ích tất cả chúng sinh trong tất cả những đời vị lai.

Trong trái tim của tất cả những ai sẽ đọc được những giòng chữ này trong tương lai, nguyện cho họ sẽ bồi hồi xúc động trước những đau khổ và bài học chuyển hoá mà Thầy đã trải qua trong kiếp sống này; nước mắt sẽ rung rung và họ thấy đều phát tâm bước theo dấu chân của Thầy, phát khởi được tâm Bồ Đề vô thượng – là tâm giác ngộ, chẳng khác nào đức Quan Âm - Tara.

Nguyện cho câu chuyện đời Thầy và năng lực gia trì của Thầy sẽ ươm được hạt mầm Đạo Pháp, chiếu tỏa một mặt trời trí tuệ, và luôn luôn làm tràn đầy biển từ bi dành cho tất cả chúng sinh lang thang không sót một người một loài.

Và nguyện cho tất cả các đệ tử của đại sư Garchen Rinpoché, đời đời kiếp kiếp sẽ trở thành như những bức tượng *tsa-tsa* được đúc ra từ chính khuôn mẫu của đạo sư, xuyên qua thân, khẩu và ý, thấm đượm một tình yêu thương bao la bát ngát hết như thầy mình!



Rinpoché ơi,
với giọt BỒ ĐỀ bất hoại
trong trái tim sinh động của Thầy,
xin hãy dẫn dắt
đôi bàn tay con...

Sue Sue Luu

*Ngày 4
tháng Hai, năm 2009
tại North Potomac,
Maryland,
Hoa Kỳ.*

Trích đoạn

Thư Cho Thầy, Lạt Ma Của Nhiều Đời Kiếp

Chương Một

Chào Đón và Thời Thơ Ấu ở Dong-go

*Giới Thiệu Về Tiểu Sử Của
Đại Sư Garchen Rinpoché*

Tâm Bảo Đàn

*Tháng Giêng 2010
Viet Nalanda Foundation*

Trong suốt bảy năm đầu tiên của cuộc đời,

*Konchog Gyaltsen không hề biết
cha mình là ai..*

Cậu không biết cậu có một người cha.

*Ý tưởng đó đã chẳng hề hiện diện
trong lòng của cậu!*

1. Chào Đòi và Thời Thơ Ấu ở Dong-go

Konchog Gyaltsen được nghe kể lại rằng vào một mùa hè kia, khi mùa hè vừa mới chớm, có những con chim hoang bay đến ngôi làng của cậu. Những con chim này thường khi sống ở trong rừng, nhưng chúng lại bay đến đậu trên mái nhà nơi mẹ cậu bé đang sống, và chúng tiếp tục đậu lại ở đó trong nhiều ngày. Chẳng ai trong làng có thể đuổi được chúng đi, và người dân làng cho rằng đây là một điềm lạ.

Đó là vào khoảng thời gian Konchog Gyaltsen đã được thụ thai.

Không lâu sau đó, mẹ của cậu bé nằm mộng thấy ánh sáng chói lòa hiện đến từ hướng đông, tỏa chiếu ánh sáng rực rỡ vào người bà. Tất cả chỉ toàn là ánh mặt trời, sáng rực, đẹp đẽ, vàng óng. Ánh sáng ấy tỏa ra tràn khắp giấc mơ của bà, tràn khắp những cảm xúc của bà, tràn khắp tất cả những gì thuộc về bà. Cơ hồ giống như là bà đang được tắm mình trong màu nhiệm tuyệt vời. Ánh sáng ấy tan hòa vào bên trong bà, và bà tỉnh dậy.

Mẹ của Konchog Gyaltsen đã cho cậu bé ra đời vào sáng sớm ngày 25 của tháng thứ Nhì, năm Hỏa Ngưu (1937) [1] trong căn nhà mà trước đây những con chim rừng đã bay đến đậu lại. Có thêm bốn đứa bé trai nữa trong vùng Gar cũng đã

chà o đời trong cùng năm đó: Tsering Phuntsok, Ngudrub Gyamtso, Dampa Yeshe và một bé trai khác ngẫu nhiên được đặt trùng tên với Konchog Gyaltsen. Nghe nói rằng Konchog Gyaltsen và một vài đứa bé trong số bốn đứa bé này đều có cùng các bộ sao trong lá số tử vi.

Khi mẹ của bé Dampa Yeshe đang mang thai bé, có rất nhiều những giấc mơ lạ cũng đã hiện đến với bà. Thêm vào đó, một ngày nọ, bỗng có một chú chim cu từ đâu đã nhẹ nhàng đậu xuống trên bờ vai của bà. Nó kêu cú cu, cú cu dăm ba lần, và sau đó, nó từ tốn lướt bay đi, nhẹ nhàng như khi nó đã đậu xuống. Đây là một sự việc trước đây chưa từng nghe ai nói đến, việc một con chim cu đậu xuống trên vai người và lên tiếng báo hiệu sự hiện diện của nó bằng những tiếng kêu lạnh lốt.

Cũng hết như thế, khi bé Ngudrup Gyamtso được thụ thai, cha của bé cũng đã nằm mộng thấy những điềm dị thường về vị đạo sư quá cố Gar Rinpoché đời thứ 7, Thinley Yongkyab. [2] Cha của cậu thấy vị lạt ma cao quý này đã vào đến tận trong nhà của ông và đã mổ bụng của vợ ông ra bằng một cái 'dri-gug,' một loại dao cong dùng cho các nghi thức tu tập theo Mật thừa, và là biểu tượng của tuệ giác siêu việt có khả năng chém tan mọi mê lầm.

Vị lạt ma đã lấy thai nhi ra từ trong bào thai của người mẹ, mổ toạc đứa bé và moi trái tim của nó ra. Rồi lạt ma lại mổ trái tim ấy ra và cẩn thận đặt vào trong đó một mảnh pha lê nhỏ xíu, chói sáng. Làm xong việc này rồi thì lạt ma niêm kín trái tim của thai nhi lại, đặt trái tim trở lại vào trong đứa bé và đặt đứa bé trở lại vào trong bụng của người mẹ.

Lại thêm một vị thí chủ khác của đạo sư Garchen Rinpoché đời thứ 7 cũng nằm mơ thấy vị thầy quá cố của mình đã đến trú ngụ trong nhà của ông ta. Rồi kế đến, một cô gái ở trong làng lại nằm mộng thấy đạo sư Garchen. Cô ta thấy vị thầy quá cố xuất hiện và dẫn theo sau ngài một đoàn tùy tùng gồm có các vị tăng sĩ cùng với một bầy ngựa và 'dri' – trâu yak cái. Đoàn tùy tùng chờ theo rất nhiều những vật sở hữu quý giá của ngài. Cả đoàn người ngựa dừng chân ngay trước ngôi nhà của mẹ của Konchog Gyaltsen và đã cùng ở lại đấy.

Vị lạt ma quá cố, Gar Rinpoché đời thứ 7, là một đại thành tựu giả (*maha-siddha*) rất dị hóm với trí huệ siêu phàm. Người ta cho rằng ngài có 'dị huệ.' [3] Ngài đã

qua đời không lâu trước đó tại tu viện của ngài. Tu viện ấy mang tên Gar Gön, cách ngôi làng này khoảng một ngày ngựa.

Tất cả năm đứa bé trai, gồm có hai cậu Konchog Gyaltsen, cùng ba cậu Tsering Phuntsok, Ngudrub Gyantso và Dampa Yeshe, đã lớn lên và trở thành những vị hành giả, những người Phật tử thuần thành theo chân Phật Pháp. Nhưng do sức mạnh lôi kéo của nghiệp riêng mà năm đứa bé trai ấy đã sống qua những cảnh đời trái ngược với nhau, khác biệt như cảnh thái xanh rì giữa những cánh đồng cỏ mùa hè và trắng ngắt mùa đông. Những cánh đồng này, đời này tiếp đời kia, đã phải chống chọi với những vở bi kịch của vô thường do bốn mùa nhân duyên mang đến.

Tuy năm đứa bé khác nhau đã ra đời với biệt nghiệp, và chẳng kẻ nào có thể trốn chạy khi nghiệp riêng đeo đuổi bên mình, nhưng ở một nơi sâu thẳm trong trái tim, Konchog Gyaltsen cho đến mãi tận ngày hôm nay, vẫn luôn cho rằng cậu và bốn người bạn đồng hành kia chẳng khác nào năm sắc màu cầu vồng. Họ nào khác những lá cờ cầu nguyện ngũ sắc mà cậu từng thấy treo phất phới khắp nơi trong ngôi tu viện của thời thơ ấu. Cậu thấy cả năm đứa bé nương vào nhau mà hiện hữu. Trong tâm cậu, trong trí cậu, cậu nhìn thấy họ không phải là năm, không phải tách biệt. Tất cả, tựu chung, chỉ một mà thôi.



Nơi Konchog Gyaltsen chào đời có tên gọi là Dong-go *drong*. Nơi ấy nằm gần giòng sông Dza-Chu thuộc địa phận của một vương quốc cổ mang tên Nangchen, ở tại vùng Kham, miền Đông Tây Tạng. *Drong* có nghĩa là một ngôi làng nhỏ, và ở trong ngôi làng xa xôi hẻo lánh Dong-go này, có khoảng hơn bốn mươi, năm mươi gia đình cư ngụ.

Từ ngôi nhà mà cậu bé Konchog Gyaltsen đã chào đời, cậu có thể nhìn thấy Kango Gön, một tu viện nhỏ bé thuộc giòng truyền thừa Drikung Kagyu. Tu viện ấy nằm trên một đỉnh đồi, cách nhà của cậu khoảng một chục căn. Kango Gön là nơi dân chúng trong làng thường đến viếng thăm vào những dịp lễ tết đặc biệt, để cầu nguyện và dâng phẩm vật cúng dường lên chư Phật, để đánh lễ chư tăng

và đón nhận sự gia hộ cùng những lời dạy dỗ từ quý thầy. Ngoài ra, còn có thêm Lho Miguel Gön cũng ở gần đó, là một tu viện khác cũng thuộc giòng Drikung Kagyu, cách xa làng của bé Konchog Gyaltsen khoảng nửa ngày ngựa.



Khi Konchog Gyaltsen vừa tròn năm tuổi, mẹ của cậu đưa cậu đến một thiền thất (*tsam kang*) [4] để gặp và đánh lễ Sư Ông Lama Konchog Tengye. Sư Ông là một vị tăng sĩ và hành giả du già cao trọng mà mẹ cậu đã có dịp quen biết trước đây trong thời gian vị ấy còn trú ngụ tại tu viện Kango Gön. Mẹ cậu có lòng tín tâm sâu đậm đối với vị sư già rất từ hoà và thông tuệ này. Bà có ước nguyện muốn cho con trai của mình thọ giới quy y từ *Lagin* [5] – Sư Ông. Sư Ông Konchog Tengye [6] là một đệ tử của đạo sư Garchen Rinpoché đời thứ 7 và Sư Ông gần như đã dành trọn đời mình cho công phu thiền tập miên mật.

Vào cái ngày mà mẹ của bé Konchog Gyaltsen đưa cậu đến gặp vị sư già rất được nể trọng này, để lần đầu tiên trong đời được cắt tóc để thọ giới quy y, thì vào đúng ngày hôm ấy, tình cờ có một đám đông đệ tử theo Mật pháp cũng vân tập về đó thọ giáo với Sư Ông.

Cậu bé chẳng hiểu cho lắm chuyện gì đang xảy ra nhưng cho riêng ngày hôm đó, cậu biết là cậu phải làm theo những gì vị sư già và mẹ cậu bảo cậu phải làm. Cậu nghe thấy tiếng mẹ cậu thì thầm với cậu, giọng bà dịu nhẹ và thoang thoang giống như là có ngọn gió ban mai nào đã thổi giọng nói ấy bay đi thật xa, băng vượt qua những ngọn đồi thoai thoải trùng điệp và những cánh đồng cỏ bao bọc chung quanh ngôi nhà của cậu.

Nương vào Phật, vào Pháp, vào Tăng, từ ngày hôm nay trở đi, cho đến khi đạt đến giác ngộ, con xin phát nguyện quy y... *Sang Gye ChöDang Tsog Kyi Chog Nam La...* Bây giờ con hãy làm theo lời dạy của Sư Ông đi...

Một số hành giả Mật thừa, đệ tử của Sư Ông, đã nhìn chăm chăm vào cậu bé mắt to tròn, láu lỉnh, và bỗng nhiên, họ lên tiếng đùa bỡn với nhau rằng:

“Hôm nay, chúng ta đã tìm ra được một thành viên mới cho tăng thân (*sangha*) [7] và cái chú nhỏ này sẽ phải ngồi bên dưới chúng ta ở hàng cuối cùng!”

Cậu bé Konchog Gyaltsen chẳng cảm thấy thích thú gì cả khi nghe thấy như vậy. Thật sự, cậu *chẳng* muốn phải ngồi ở đâu hết, cho dù là ngồi ở bất cứ nơi đâu và vì bất cứ lý do gì. Mẹ của cậu mỉm cười ngại ngùng với những hành giả đệ tử của Sư Ông, nhưng mẹ cậu và đám đệ tử thật ngạc nhiên xiết bao khi vị đại sư du già đã quay xuống nhìn vào đám học trò của mình và nói:

“Không đâu, đứa bé này không phải là người sẽ ngồi bên dưới chúng ta đâu! Chỉ cần chúng ta được ngồi bên dưới cậu ấy là cũng sẽ vô cùng may mắn cho chúng ta rồi!”

Và rồi Sư Ông không hề lên tiếng nói thêm điều gì nữa cả.

Cuối cùng, khi hai mẹ con rời được khỏi thiền thất thì bé Konchog Gyaltsen mới thật sự cảm thấy vui mừng khôn tả, và bất cứ điều gì mà Sư Ông đã tuyên bố không lâu trước đó đã chẳng để lại chút dấu vết nào trong trí nhớ của cậu!

Nhưng mẹ cậu thì không làm sao quên được. Bà ghi nhớ mãi trong lòng khung cảnh đó, như mọi việc chỉ mới xảy ra vào ngày hôm kia, hôm qua... Thiền thất yên lặng, vị sư già rất từ hoà và thông tuệ, những ngọn đèn bơ lập loè, mùi nhang trầm quyện lướt vào nhau, khuôn mặt đầy nôm nóng của đứa con trai và những ngón tay cẩu bẩn của nó đang dẫn kéo vạt áo *chuba* [8] của bà.

- *Ama* [9]! Mẹ ơi, mình hãy đi về nhà bây giờ đi, đi đi, Mẹ!

▪



Ở làng Dong-go, tất cả các gia đình đều làm nghề trồng trọt. Nhà của họ được xây bằng gạch đá và trét bùn màu đất son, với mái nhà phẳng lì được dùng làm sân thượng nơi mà mỗi sáng, người ta có thể leo lên trên đó để làm lễ dâng hương (*sang-sol*). [10] Ngoại trừ các tu viện, thiền thất và liêu phòng của chư tăng là được sơn màu trắng còn thường thường thì phía bên ngoài của những ngôi nhà còn lại trong làng đều được phết bùn màu đất son.

Phần lớn những căn nhà trong làng là nhà trệt, tuy nhiên, có những gia đình có nuôi gia súc và họ xây thêm một chỗ chứa gia súc ở ngay phía dưới tầng nhà của họ. Một số gia đình khác thì xây chuồng nuôi gia súc ở cách xa căn nhà chính, cốt là để nuôi ngựa, tuy rằng hầu như tất cả những gia đình trong ngôi làng này sinh sống nhờ vào nghề trồng trọt và họ có rất ít gia súc, khác xa với những người dân du mục.

Ở nơi đây, gần như chẳng thấy bóng dáng của một ngọn cây nào cả, ngoại trừ dăm ba cụm cây nằm rải rác trong làng, mang nét vẻ khô cằn, khát nước vào mùa hè, và ú rũ, ẻo uột vào mùa đông. Toàn bộ khu làng với đất đai lỏm chỏm được bao bọc bởi hàng hàng lớp lớp những rặng núi đá ở tí xa xa.

Cái mốc bắt mắt duy nhất thật ra lại là tu viện Kango Gön nhỏ bé được đặt trên một đỉnh đồi thấp. Bên cạnh đó là một cái cọc cờ cao nghêu, phất phơ những lá cờ cầu nguyện đủ màu sắc. Người Tây Tạng gọi những lá cờ này là phong mã, hay những con ngựa gió (*lung-ta*) [11]. Chúng phần phật suốt ngày đêm, chẳng khác nào như một đàn cánh bướm khổng lồ đã bị bắt giam và xâu giây lại với nhau. Ngoại trừ hình ảnh ngoạn mục ấy thì chỉ còn lại duy nhất một cái hùng vĩ khác trong làng. Cái hùng vĩ ấy nằm ở giữa những cánh đồng bao la bất tận, trải dài từ đầu bên này qua tới đầu bên kia, như một đại dương của sự bất động, hoàn toàn tuyệt lắng.

Tất cả những gia đình trong làng Dong-go *drong* đều trồng lúa mì, lúa mạch, củ cải, khoai tây và họ có rất ít thịt, bơ hoặc những loại rau trái khác. Họ sinh sống được nhờ vào những vụ mùa, và lúa mì và lúa mạch họ trồng thuộc loại có phẩm chất cao. Họ đổi lúa mì, lúa mạch, bột mì và bột *tsampa* [12] lấy bơ và thịt từ những người dân du mục theo một phương thức đổi chác riêng.

Ở một ngôi làng gần bên cách xa khoảng 5 ki lô mét, có một vài gia đình biết được cách chế tạo muối. Những gia đình này biết được một công thức bí truyền để làm ra muối từ nước muối mà họ vớt được từ những vùng khác nhau. Ở tại Tây Tạng, muối rất là khan hiếm và người ta thường phải làm những cuộc phiêu lưu với từng đoàn trâu *yak* để đi lũng muối. Xuyên qua những rặng núi đá hiểm nghèo, những cuộc phiêu lưu nguy hiểm đôi khi có thể cướp mất mạng người. Những gia đình biết chế tạo muối không phải làm việc đồng áng; công việc của

họ là làm muối, đổi muối và bán muối! Họ đổi muối lấy lúa mì, lúa mạch, thịt và bơ.

Đôi khi cả làng cũng tụ họp nhau lại tại những ngôi nhà khác nhau, và họ cùng nhau trì tụng những câu minh chú (*mantra*),^[13] cùng ca hát những bài ca với giai điệu da diết, tuyệt vời. Rồi sau đó, họ thay phiên đãi nhau món mì nước *thukpa*. Vào dịp đầu năm mới, họ ăn mừng, ca hát, nhảy múa với nhau và chia nhau những món ăn cổ truyền khéo nấu.



Là một chú bé bình dị sống ở làng quê, Konchog Gyaltzen chẳng có việc gì nhiều để làm được cả. Cậu hay thích gây chiến với mấy đứa bé trai khác, và hãnh diện là mình có thể đánh thắng và lên mặt chỉ huy được tất cả bọn trẻ con trong làng! Một lần nọ, cậu nổi nóng, lên cơn giận dữ quá độ, và đã không ngần ngại ném cả đất cát vào mặt của một thằng nhỏ dám chống lại cậu!

Trong làng của cậu, có một vị sư nữ tên là sư cô (*Ani*) Yep-Zang.^[14] Sư cô có họ hàng với bé Konchog, và cậu thật tình rất yêu mến sư cô. Cậu hay ghé qua phòng thăm sư cô, và là một đứa trẻ nghịch ngợm, rần mắt, cậu thích nhét đầu của cậu vào dưới gầm giường của sư cô mỗi một khi cậu ghé thăm. Sư cô Yep-Zang thường phải lên tiếng la mắng cậu:

“Đừng! Đã bảo đừng mà! Mi đừng để đầu ở dưới gầm giường của ta! Người ta bảo để đầu ở dưới gầm giường người khác không tốt đâu.”

Nhưng sư cô Yep-Zang càng rầy rà, ngăn cấm cậu thì cậu lại càng thích chọc ghẹo cô và tìm đủ cách để chui đầu xuống dưới gầm giường của cô. Cậu không nhớ được tại sao cậu lại thích làm như vậy nhưng nói chung, đây là một trò đùa tinh quái đem đến cho cậu nhiều hứng thú.

Một lần kia, bé Konchog Gyaltzen đến thăm sư cô Yep-Zang với một món đồ chơi nhỏ trong tay. Cậu mãi mê chơi đùa với nó, và một lát sau không hiểu sao, cậu đã để lạc mất nó ở đâu đó trong căn phòng. Cậu cất tiếng gọi sư cô:

“Ani oi, sư cô ơi, đồ chơi của con đâu?”

Sư cô trả lời, “Ta đâu có biết.”

Cậu không để yên, cố gắng hỏi thêm lần nữa:

“Đồ chơi của con đâu? Nói cho con biết đồ chơi của con đâu! Sư cô biết nó ở đâu mà! Nói cho con biết nó ở đâu đi!”

“Ta không có biết!” Sư cô trả lời.

Bé Konchog Gyaltsen trừng mắt ngó sư cô. Cậu thoát nhiên nổi giận và bắt đầu níu chặt lấy vạt áo sẫm màu của sư cô; cậu vùng vằng bực bội, con giận như muốn trào ra:

“Nhưng sư cô biết mà! Sư cô biết mà! Sư cô nhắm mắt lại đi rồi thì sẽ thấy!”

Sư cô Yep-Zang đành phải gắng gượng nhắm đôi mắt lại, và ngay giây phút bóng đen ủa vào trong đôi mắt cô thì cô thấy món đồ chơi hiện ra rõ mồn một ở ngay dưới một tấm thảm bằng lông để cạnh bên cô. Sư cô Yep-Zang thật vô cùng kinh ngạc. Cô đã trải qua một kinh nghiệm xuất thần, giống như là cô được ban cho một khả năng kỳ lạ siêu phàm. Cô chưa từng bao giờ trải qua một kinh nghiệm giống vậy trước đó, và cũng chẳng bao giờ trải qua thêm một lần nào nữa sau này.



Ngoài những câu truyện như đã kể ở trên thì bức tranh ngày thơ ấu của bé Konchog ở làng Dong-go *drong* chỉ mang những nét phác hoạ đơn sơ với màu sắc tẻ nhạt. Những mảnh vụn trong ký ức mà cậu đã chôn sâu trong lòng, thật ra, chỉ xoay quanh mẹ của cậu và thời gian mà cậu sống bên bà. Ngay cả cậu đã sống chung dưới một mái nhà với ông bà ngoại, nhưng hồi ức của cậu về ông bà ngoại cũng chỉ thoang thoảng như là những đám mây qua.

Tên của mẹ cậu là Dechei Yangzom nhưng mọi người trong làng đều gọi bà bằng Dega, và bà nổi tiếng khắp vùng là người có rất nhiều lòng nhân ái và rất từ bi. Người trong làng nói rằng trong tim của Dega không hề có sự hiện diện của sân hận hay oán ghét. Chẳng thể nào lòng sân hận hay oán ghét để lại được dấu vết gì trước sức mạnh của tấm lòng từ bên trong bà.

Đối với cậu con trai bé nhỏ của bà, bà là *Ama*, là người duy nhất trong thế gian này mà cậu đã yêu thương nhất, là người đã chiếm trọn tất cả tình cảm trong lòng của cậu. Lúc nào bà cũng gọi cậu bằng cái tên bé thơ thân mật, Kon-Gyam, là tên tắt của Konchog Gyaltsen, cũng nói với cậu bằng những lời hòa nhã, và đã chẳng bao giờ đánh mắng cậu cho dù vì vô tâm mà cậu đã trở nên hư hỏng hay hỗn hào, thô cộc đến mấy đi nữa. Cậu nhớ mái tóc dài của bà mà cậu đã bứt kéo nhiều lần khi cậu nổi nóng, vùng vằng lên con bắt tử. Cậu cũng nhớ cả những khi cậu vừa xô đẩy bà, vừa cáu tiết, khóc la inh ỏi. Cậu nhớ đôi bàn tay thô nhám của bà và cái thứ kem mà bà thường hay bôi trên mặt, cái thứ kem ngon ngọt mà cậu chỉ thèm được liếm cho sạch mà thôi!

Vào mùa đông, khi trời trở lạnh như dao cắt, mẹ cậu thường hay thoa một lớp kem mỏng lên hai má. Đây là một loại kem được pha trộn bằng mật ong và đường đỏ, được dùng như kem dưỡng da để giúp giữ cho da mặt của bà được tươi tốt, mịn màng. Sau khi thoa kem lên hai má rồi, một thời gian ngắn sau đó, bà lau sạch lớp kem ấy đi, và đó là cách mà phụ nữ trong làng đều làm để chống lại với những cơn gió bắc đang thổi thốc ngang qua những rặng núi đá, làm rạn nứt thêm làn da vốn thường bị cháy nắng của họ.

Tại Tây Tạng vào thời bấy giờ, đường còn khan hiếm hơn cả muối. Bé Kon-Gyam rất hảo ngọt nhưng làm gì có được kẹo bánh hay các thức ăn ngọt ở bên cạnh để cho cậu thưởng thức bao giờ. Là một đứa trẻ thông minh, tinh quái, cậu thường xuyên nghĩ ra đủ cách để ăn trộm kem dưỡng da của mẹ và đã sung sướng ngời nhâm nhi cái thứ kem ngon ngọt ấy cho đến vệt cuối cùng. Ôi, sao cái thứ kem đường mật ấy lại ngon lành đến thế!



Mẹ cậu xuất thân từ một gia đình bình dân, không giàu mà cũng chẳng nghèo. Trong nhà họ không bao giờ thiếu thức ăn và họ rất may mắn vì chưa bao giờ phải bị đói.

Khi bé Konchog Gyaltsen lớn hơn một chút thì cậu nghe mẹ cậu kể lại rằng gia đình của mẹ và ông bà ngoại trước đây đã từng là thí chủ của Gar Rinpoché đời thứ 7. Ngài là một vị thành tựu giả (*siddha*) dị hợm với trí tuệ khác thường. Cậu cũng nghe nói là ngài đã qua đời nhiều năm trước đó tại tu viện Gar Gön, và tu viện này nằm ở giữa cảnh thái bao la hùng vĩ của một thung lũng mượt xanh, cách nơi cậu ở khoảng một ngày ngựa. Bé Konchog Gyaltsen không hề nhớ là mình đã có bao giờ đến viếng thăm nơi này chưa trong suốt bảy năm đầu tiên của cuộc đời.

Nhiều năm về trước, lâu thật lâu về trước... Khi ấy, mẹ của bé Konchog Gyaltsen còn là một cô gái nhỏ. Một ngày nọ, bỗng vị thành tựu giả dị hợm với trí tuệ khác thường này đã cho gọi cô bé đến và đã trao cho cô một lá thư do chính tay đạo sư viết. Đạo sư dặn cô là hãy cẩn thận giữ kỹ lá thư này ở một nơi kín đáo, nhưng khi ấy, cô còn bé lắm và đã không mấy quan tâm đến lời căn dặn của đạo sư, nên sau đó, chẳng biết là cô đã để lạc lá thư ấy đi đâu mất rồi. Là một cô gái quê mù chữ, cô không biết đọc, không biết viết, và cô đã không bao giờ biết được là trong lá thư đó có viết những gì. Nhiều năm trôi qua, khi cô sực nhớ lại về lá thư mà đạo sư Gar Rinpoché đời thứ 7 đã trao tận tay cô thuở thiếu thời, cô cố gắng lục tìm khắp nơi nhưng không sao tìm lại được lá thư ấy nữa.

Giống như những thí chủ trung thành khác, gia đình mẹ và ông bà ngoại của bé Konchog vẫn thường hay tổ chức những chuyến đi ngắn đến tu viện Gar Gön, đem theo lúa mì, lúa mạch, khoai tây, bột mì, *tsampa* hoặc bất cứ thứ gì mà họ có thể tích góp được để cúng dường cho tu viện.

Không lâu trước khi đạo sư Gar Rinpoché đời thứ 7 qua đời, Dega và cha mẹ của cô đã đến gặp ngài để đánh lễ; họ đem theo một túi bột *tsampa* để cúng dường cho vị đạo sư già yếu. Nhưng họ thật ngạc nhiên xiết bao khi lần này, đạo sư Gar Rinpoché đời thứ 7 đã từ chối không nhận vật cúng dường của họ, và ngài đã bảo Dega và cha mẹ của cô hãy quay về chờ sự xuất hiện của một vị sư cao trọng trong nhà của họ. Đạo sư Gar Rinpoché cho biết rằng vị sư cao trọng này

sẽ đến nhà của họ một ngày không xa, và chính cái vị sư này mới là người mà họ nên cúng dường túi bột *tsampa* kia!

Mẹ của bé Konchog đã quay trở về nhà và nóng lòng ngồi chờ ông sư cao trọng hiện đến, nhưng ông đã không bao giờ đến. Ông không bao giờ đến như Dega đã hình dung trong đầu. Ông không đến bằng chân, cũng không đến bằng ngựa. Ông không đến trong y áo của một nhà sư với một cây tích trượng trong tay. Ông đã không bao giờ đến theo cung cách mà Dega tưởng thấy.

Khoảng chừng hơn một năm sau đó, vị sư ấy cuối cùng cũng đã bước vào đến tận bên trong ngôi nhà của Dega, nhưng ông đã đến với thế gian này xuyên qua một cánh cổng hoàn toàn khác xa với điều cô mừng tượng...



Cho đến năm lên bảy tuổi, Konchog Gyaltzen không hề nhớ là có bất cứ khi nào cậu đã thắc mắc về cha của cậu. Không hiểu sao nhưng trong đầu óc non nớt, chân chất của cậu, cái thế giới mà cậu đang sống thật ra đã đầy đủ và trọn vẹn rồi. Mẹ của cậu, cái kho báu chứa đầy tình yêu thương dành cho cậu, cũng chính là nguồn cung cấp tất cả những gì cần thiết mà thông thường một đứa bé sẽ phải cần đến. Cái kho báu và nguồn cung cấp ấy có sức lôi cuốn vượt xa bất kỳ một cảnh giới nào khác mà cậu có thể hình dung trong đầu.

Cho đến một ngày kia, có một lá thư được gửi đến từ một nơi rất xa...

Lá thư ấy đã băng qua những khung cảnh thiên nhiên bất tận, băng qua những vùng địa thế bỏ hoang, băng qua cái đôn điệu buồn tẻ của trời và đất, băng qua những sắc thái luôn biến đổi của trùng trùng núi, từ màu xanh ô liu, qua đến màu be rồi đổi thành màu đất son...

Cuối cùng, lá thư đó đã vượt ngàn dặm để đến được ngôi tu viện nhỏ bé, mà bao thế hệ qua, đã nằm ẩn mình trong cái bao la hoành tráng của vùng thung lũng mượt xanh như ngọc, chung quanh được bao bọc bởi núi non và vách đá. Ở đấy, vào mùa đông, những cội cây thông và cây tùng vươn cao, oằn người chịu trận

trước những cơn gió khốc liệt cùng những trận bão tuyết hay những cơn mưa đá đang đổ ập xuống bất thành linh. Nhưng nơi ấy, vào mùa xuân, cả vùng thung lũng bừng sống dậy với vô vàn vô số những cánh hoa dại nháy nhót khắp nơi. Những triền đồi ngập sắc hoa vàng và xanh tím, ôm trọn tất cả thời gian và không gian, trải dài đến tận chân trời, vượt ra khỏi những gì mà đôi mắt có thể nhìn thấy được dưới bầu trời ngất xanh...

[1] Theo lời thầy Gapé, ngày 25 tháng thứ Nhì Tạng lịch cũng là ngày qua đời của đạo sư Garchen Rinpoché đời thứ 7, Thinley Yongkyab. Ngày chào đời của hoá thân đời thứ 8 cách ngày qua đời của đạo sư đời thứ 7 đúng một năm. [*Ghi chú: Trước đây, trong một số các tài liệu đã được đăng tải tại nhiều nơi, năm sinh của Garchen Rinpoché đã được ghi là 1936 nhưng nếu tính theo Tạng lịch thì phải là 1937 (Theo lời của thầy thị giả Bu Nima)*].

[2] Danh hiệu đầy đủ của các vị hoá thân của giòng Garchen Rinpoché là Kyabje Garchen Triptül Rinpoché. Thinley Yongkyab là pháp danh của hoá thân đời thứ 7. Một cách ngắn gọn, người Tây Tạng đã có thói quen gọi đại sư Garchen bằng “Lama Garchen” hay “Gar Rinpoché.” Lama là một từ tiếng Tây Tạng đồng nghĩa với từ “Guru” của Ấn Độ, có nghĩa là một bậc thầy, hay vị sư phụ tâm linh. “Gar Rinpoché” được xem như là một cách gọi thân mật, nhưng đúng ra, cách gọi trịnh trọng lễ phép hơn vẫn là “Garchen Rinpoché.”

[3] *Siddha* theo Phạn ngữ là một người đã đạt được thành tựu; Việt ngữ: thành tựu giả. *Mahasiddha*: đại thành tựu giả. Đây ám chỉ một bậc đạo sư hay *guru* đã chứng đắc, đặc biệt trong truyền thống Mật thừa. Trí huệ dị hợm (dị huệ) ám chỉ những phương tiện thiện xảo phá chấp, trái với quy ước bình thường, mà bậc sư phụ có thể áp dụng để giúp cho đệ tử đạt được giải thoát tâm linh.

[4] Thiên thất nơi Lama Konchog Tengye tu tập trước kia, bây giờ đã được chỉnh trang lại thành một khu vực nhập thất dành cho một nhóm các ni sư thuộc giòng Drikung (GL).

[5] *Lagin* là cách gọi lễ phép đối với một vị đạo sư lớn tuổi.

[6] Vị tăng sĩ-hành giả du già Lama Konchog Tenye chính là người đã thỉnh cầu đạo sư Garchen Rinpoché đời thứ 7 ghi chép lại pháp môn hành trì bốn tôn Bạch Quan Âm (White Tara) xuyên qua những gì đã khởi lên từ các linh kiến và tuệ giác của ngài. [*Ghi chú: Bản tiếng Việt của nghi quỹ hành trì này mang tên “Giọt Bất Tử Tuyết Vời: Pháp Hành Trì Mạn Đà La Trường Thọ của Đức Bạch Quan Âm:”*

http://www.vietnalanda.org/Translations/Viet_White%20Tara_7th%20Gar%20R.pdf (TBD)]

[7] Một cộng đồng bao gồm những người noi theo và hành trì theo những giáo lý do Đức Phật chỉ dạy.

[8] *Chuba* là một loại áo dài Tây Tạng truyền thống để mặc bên ngoài, cho cả đàn ông lẫn đàn bà. Những người đàn bà có chồng thường đeo thêm một cái tạp dề ở đằng trước áo *chuba*.

[9] *Ama* là mẹ, gọi theo lối gọi của vùng Kham miền Đông Tây Tạng.

[10] Lễ dâng hương là một nghi lễ cầu nguyện, vừa cầu nguyện vừa đốt hương và đốt các cành lá tùng, lá bá di hoặc các loại thảo liệu khác. Theo thông lệ, lễ dâng hương được cử hành vào buổi sáng để tịnh hóa và đem lại ân phúc cho ngôi nhà và gia đình.

[11] Trên những lá cờ cầu nguyện có in những câu minh chú và những hình ảnh linh thiêng. Người ta tin rằng treo những lá cờ cầu nguyện là để giúp phát khởi từ bi, trí tuệ, an bình, năng lực, cũng như để bảo vệ khỏi những điều xấu ác và nguy hiểm.

[12] *Tsampa* là bột lúa mạch rang vàng, xay nhuyễn, và là món ăn chính yếu của người Tây Tạng.

[13] *Mantra* (chú, minh chú, thần chú) là một mẫu tự linh thiêng hay một câu bao gồm nhiều chữ linh thiêng để ta có thể trì tụng hay lập đi lập lại liên tục. Những câu chú mang một oai lực tâm linh rất mạnh mẽ.

[14] Nguyên tên của ni sư là Yeshe Zangmo.

Chương Một: Chào Đón và Thời Thơ Ấu ở Dong-go

được trích từ “Thư Cho Thầy, Lạt Ma Của Nhiều Đời Kiếp: Giới Thiệu Về Tiểu Sử Của Đại Sư Garchen Rinpoché” © 2009-2010 Garchen Rinpoché & Sue-Sue Luu

Tài liệu này đã được sáng tác bằng Anh ngữ, sau đó được tác giả phỏng dịch qua Việt ngữ dưới tên Tâm Bảo Đàn.

Bản Việt ngữ của lá thư có thể được tìm thấy tại:

http://www.vietnalanda.org/Writings/VIET_Only_LettertoMyTeacher_Letter%20only_2010.pdf

Bản Việt ngữ của Chương Một có thể được tìm thấy tại:

http://www.vietnalanda.org/Writings/Chuong%20Mot_Chao%20Doi%20va%20Thoi%20Tho%20Au%20o%20Dong-go_TBD_2010.pdf

Toàn bộ bản Anh ngữ có thể được tìm thấy tại:

http://www.vietnalanda.org/Teachers/Letter%20toMyTeacher_Biography_Garchen%20Rinpoche_SSL_2009.pdf

Những chú thích trong các chương sách chủ yếu là để dành cho những độc giả thông thường không quen thuộc với các khái niệm trong truyền thống Phật Giáo Tây Tạng, hoặc với lịch sử và văn hoá Tây Tạng. Muốn đóng góp ý kiến hoặc muốn tìm hiểu thêm về đề án tiểu sử của đại sư Kyabje Triptrul Garchen Rinpoché, xin liên lạc suesueluu@yahoo.com.

Chương Hai

Trích đoạn

“Thư Cho Thầy: Lạt Ma Của Nhiều Đời Kiếp”

2. Hoá Thân

Cái lá thư được gửi đến tu viện Gar Gön một cách hết sức bất ngờ kia, thật ra, đã được một vị sứ giả mang đến từ cung đình của Quốc vương xứ Nangchen. Khởi đầu, lá thư ấy đã được gửi đến cho Quốc vương xứ Nangchen từ tổ đình Drikung Thil của giòng truyền thừa Drikung Kagyu. Ngôi tổ đình này nằm tại trung phần Tây Tạng, ở về phía đông thủ đô Lhasa khoảng 150 ki lô mét.

Lá thư ấy mang chữ ký và dấu triện của một bậc thánh giả – người đứng đầu giòng truyền thừa Drikung, Tổ thứ 36. Ngài là một bậc đạo sư cực kỳ cao trọng và là người đã được ban cho danh hiệu thiêng liêng Drikung Kyabgön, Tenzin Shiwai Lodrö. Trong lá thư có nêu rõ rằng, theo

lời yêu cầu của Sewang Dorje, Quốc vương xứ Nangchen, cùng với Sư Tổ Drikung Kyabgön, một cuộc truy tìm cần phải được phát động ngay trong các khu vực tại địa phương để tìm cho ra *cái đứa bé đã chào đời với người mẹ mang tên Dechei Yangzom và người cha mang tên Masei Sangye.*

Trong thư cũng có tuyên bố thêm là, sau khi vượt qua được các thử thách của những cuộc thử nghiệm để chứng tỏ tính cách xác thật thì *đứa bé trai do cặp vợ chồng này sinh ra sẽ được tuyên nhận là hóa thân của đạo sư quá cố Garchen Rinpoché, Thinley Yongkyab.* Đây chính là vị đại thành tựu giả đã từng là viện trưởng của tu viện Gar Gön trong nhiều đời kiếp qua, và còn là một trong những vị bốn sư hướng dẫn tâm linh của Quốc vương xứ Nangchen.¹

Khởi thủy, Vương quốc Nangchen đã được thành lập vào thế kỷ thứ tám sau công nguyên. Vương quốc ấy thật mệnh mông bát ngát, bao gồm những cánh đồng du mục trải dài. Thủ đô

¹ Quốc vương xứ Nangchen có tất cả bốn vị bốn sư tâm linh. Hai trong số bốn vị ấy là Garchen Rinpoché và Lhochén Rinpoché thuộc dòng truyền thừa Drikung Kagyu. Hai vị còn lại là Jhamei Rinpoché và Trulshik Rinpoché thuộc dòng Drukpa Kagyu.

cổ của Vương quốc này có tên là *Nangchen Gar*. Đây chính là một pháo đài với thành quách, được dùng làm chỗ ngựa vào mùa hè của nhà vua. Nơi ấy cũng không mấy xa làng *Dong-go drong* của bé *Konchog Gyaltsen*, chỉ cách khoảng một ngày ngựa.

Lãnh địa của *Nangchen* gồm có mười tám bộ tộc du mục ở vòng trong và hai mươi lăm bộ tộc du mục ở vòng ngoài; mỗi bộ tộc có địa phận thung lũng riêng, có ranh giới phân chia hẳn hoi thành ra những cánh đồng cỏ chăn nuôi mùa hè và đồng cỏ chăn nuôi mùa đông. Vương quốc *Nangchen* thường được người dân *Khampa* ở miền Đông Tây Tạng gọi là "*Nyi-shu Dza Nga*," có nghĩa là "Hai Mươi Lăm Địa Hạt." Vào thế kỷ thứ mười bốn, *Nangchen* đã gom góp được rất nhiều của cải kếp sù nhờ vào việc xuất cảng một loại ngựa giống rất quý để cung cấp cho các vị hoàng đế của Minh triều.

Theo truyền thống lâu đời thì Quốc vương xứ *Nangchen* có nhiệm vụ phải lãnh đạo công cuộc truy tìm và tuyên nhận hoá thân của những vị bốn sư tâm linh của mình. Nhà vua đã bỏ rất nhiều tâm sức vào việc tìm kiếm hoá thân của

một bậc sư phụ trong tiền kiếp, đạo sư Garchen Rinpoché đời thứ 7. Tuy nhiên, sau khi gặp gỡ tiếp xúc với một vài bé trai dự tuyển thì công cuộc lòng tìm đã phải bị gián đoạn bởi vì chẳng có chút gì hy vọng nơi những chú bé kia. Cuối cùng, Quốc vương xứ Nangchen phải đích thân lên tiếng khẩn nài Sư Tổ Drikung Kyabgön giúp ông giải quyết vấn đề này.



Tông phái Drikung Kagyu của Phật Giáo Tây Tạng là một trong những chi phái đến từ truyền thống tu tập Kagyu. Truyền thống tu tập này còn được biết đến dưới tên gọi Giòng Truyền Thừa Của Xâu Chuối Huy Hoàng, ngụ ý nói đến Giáo Pháp thanh tịnh giống như một sợi chỉ bền chắc đã xâu kết những hạt chuỗi cực kỳ quý giá lại với nhau. Những viên bảo châu, những hạt chuỗi quý giá ấy ám chỉ các vị đại đạo sư và các bậc thánh giả trì giữ giòng truyền thừa, từ đời này qua đời khác, là những người đã trao truyền những giáo lý chân minh, từ thầy đến trò, qua

phương cách kín đáo là “thì thâm” qua tai hay qua miệng.

Vào năm 1179, đức tôn sư Kyöbpa Jigten Sumgon, vị đệ tử tâm truyền của đại sư Phagmodrupa,² đã khai lập tu viện Drikung-Thil ở Trung phần Tây Tạng, xem đây như là tổ đình của giòng truyền thừa Drikung Kagyu. Người ta nói rằng, đức Kyöbpa Jigten Sumgon đã đắc quả vị Phật vào năm ba mươi lăm tuổi, vào thời kỳ ngài ẩn tu tại một động thất ở Echung trong suốt bảy năm liền. Người ta cũng nói rằng nhờ vào lòng từ bi và trí tuệ rộng lớn không thể nghĩ bàn của đức Jigten Sumgoni mà đã từng có một số lượng tăng sinh đông đảo lên đến 180,000 người. Họ đã vân tập về tổ đình Drikung-Thil để thọ pháp từ ngài – đông đến nỗi “sắc áo của tăng chúng đã phản chiếu cả lên trên nền trời!” Họ không chỉ đến từ Tây Tạng mà còn đến từ Ấn Độ, Trung Hoa, Nepal và nhiều nơi khác nữa.

Tu viện Drikung-Thil nằm trên những tảng núi

² Ngài Phagmodrupa (1110-1170) là một trong những vị kế thừa của đức Gampopa (1079-1153), và Gampopa là vị đệ tử tựa như mặt-trời của thánh giả Milarepa. Từ ngài Phagmodrupa truyền xuống thành tám nhánh hay tám tân phái Kagyu.

đá lớn, hiên ngang vươn mình lên cao khỏi đất bằng hơn 180 mét. Đứng ở nơi tu viện, ta có thể thấy được những cánh đôi thoai thoải chạy dài đến tận chân mây dưới một bầu trời trong vắt. Đôi này nối tiếp đôi kia, xanh thẫm màu ngọc bích và căng đầy nhựa sống. Những cánh đôi trùng điệp lừng lững hiện ra giống như là một tấm phong thiên nhiên hùng vĩ. Ở trước mặt, là một giòng sông đang lặng lẽ uốn khúc, chảy xuyên qua vùng cao nguyên ẩn khuất và hẻo lánh này.

“Trong suốt cả ba thời, trụ xứ thiên này và ta sẽ không bao giờ chia cách.” Đó là lời khẳng định mà bậc đại sư phụ đã nói với chúng đệ tử khi nhắc đến tổ đình Drikung-Thil do ngài khai lập. Ngôi tổ đình ấy, nghe nói rằng, chính là mạn đà la của vị Hộ Phật Chakrasamvara.³



³ Chakrasamvara (Luân Giới) là một bậc đại giác, hoá hiện trong hình tướng hung nộ và là vị Thiên Tôn hay Hộ Phật chính yếu của giòng truyền thừa Kagyu thuộc Phật Giáo Tây Tạng.

Tất cả những nơi chốn và địa danh trên đây thật ra đã vượt ra ngoài sức tưởng tượng của bé Konchog Gyaltsen. Vượt ra ngoài cái nhàm chán đơn điệu đến như thoi miên của những cánh đồng lúa mạch trong làng quê của cậu, ở cái vùng Nangchen tí tắp này. Vượt ra khỏi bất kỳ một nơi chốn xa xôi náo nhiệt nào mà một đứa bé quê mùa tầm thường như cậu có thể mơ tưởng là có ngày mình sẽ được đặt chân đến.

Tin tức về bức thư mà Quốc vương xứ Nangchen gửi đến tu viện Gar Gön đã được mau chóng loan truyền đi khắp làng Dong-go drong. Khi ấy, câu chuyện bí mật giữa cha và mẹ của bé Konchong Gyaltsen đã được công khai tiết lộ. Cả làng gần như há hốc miệng ra vì kinh ngạc trước câu chuyện lạ lùng này. Chẳng ai dám đoán mò xem là tại sao vị thánh giả Drikung Kyabgön, ở một nơi xa thẳm chẳng khác nào nửa vòng địa cầu, lại có thể đem ánh sáng soi rọi vào câu chuyện bí mật ấy, chẳng khác nào như mọi việc đang ở ngay trong lòng bàn tay của ngài? Ngài đã dựa vào những giấc mộng, dựa vào những điềm báo đặc biệt, vào tài

tiên đoán vô cùng chính xác hay là dựa vào năng lực thần thông siêu phàm?

Vào những ngày xa xưa ấy, muốn thỉnh cầu để xin được diện kiến một vị đại cao tăng giống như ngài Drikung Kyabgön thì thật là một chuyện cực kỳ khó khăn. Ngài được xem như là hiện thân của biển đại giác, với những phẩm hạnh tốt cùng cao quý của một bậc giác ngộ. Đôi khi người ta phải chầu chực hàng mấy tháng ròng ở bên ngoài tu viện để có thể có được cơ hội vào diện kiến vị đại đạo sư. Ngay cả cái tư tưởng cho rằng ta có thể thắc mắc về lời tuyên bố của đức Drikung Kyabgön, hay là ta có thể đặt câu hỏi về phương cách tiên đoán của ngài, thì ngay cả cái tư tưởng đó cũng là điều không tưởng và vô cùng hỗn xược.

Tuy nhiên, như người ta thường nói rằng, ngay cả giải thoát cũng có thể nằm gọn trong lòng bàn tay của một bậc giác ngộ, thì huống gì là những sự kiện nhỏ bé, kém phần quan trọng khác!

Về sau, có những vị lạt ma đã phải giải thích cho gia đình của cậu bé và đám dân làng hiểu ra rằng việc Sư Tổ tiết lộ đã xảy ra được như thế là

nhờ do ở một tâm thức sáng rõ, minh bạch không thể nghĩ bàn, siêu vượt không gian, thời gian và các điều kiện phụ thuộc khác. Và vì thế mà sự bí ẩn về người cha của cậu bé đã được phát giác cho mọi người cùng biết, kể cả cho chính bản thân cậu bé.



Bé Konchog Gyaltsen không nhớ được là sau khi câu chuyện bí mật giữa cha và mẹ của cậu được vén mở thì sau đó, lần gặp mặt đầu tiên giữa cậu và cha của cậu đã xảy ra như thế nào. Cậu cũng chẳng thể nào nhớ được kỷ niệm lần đầu tiên trong đời cậu đã gọi người đàn ông mang tên *Masei Sangye* bằng *Apa* và đã cất tiếng gọi *Cha ơi* ra sao.

Bé Kongchog Gyaltsen được nghe kể lại rằng, cha của cậu xuất thân từ giòng dõi quý tộc *Masei*, là một giòng dõi sinh sống tại ngôi làng kế cận mang tên *Dzong Dza*,⁴ cách làng *Dong-go*

⁴ *Dzong* là một pháo đài kiểu Tây Tạng.

drong của cậu khoảng một ngày đường bộ. Từ trước đến nay, bộ tộc Masei luôn luôn được xem là một quý tộc với một địa vị cao sang. Khởi thủy, bộ tộc ấy trú ngụ ở đâu đó trong vùng Golok. *Ma* là tên ngắn của địa danh nơi bộ tộc ấy trú ngụ, và *Sei* là tên ngắn của một ngôi làng nhỏ hơn thuộc địa phận trong vùng.⁵

Nhiều thế hệ sau đó, những người dân thuộc bộ tộc Masei muốn dời đô khỏi thị trấn này để đến một địa điểm mới. Họ cầu nguyện những vị hộ thần cũng như vị Bản Tôn Hộ Phật⁶ của họ để xin các ngài ban cho hướng dẫn. Nương vào công phu tu tập và lòng khát khao kính ngưỡng của họ mà họ đã thấy được một số dấu hiệu dẫn dắt họ dời đô và đến lập nghiệp ở vùng này của xứ cổ Nangchen.

Tất cả các thế hệ thuộc giòng dõi Masei đều là những vị hành giả Mật thừa đáng kính, là những người bước đi trên con đường tu tập Giáo Pháp. Có một vị đạo sư nổi tiếng mang tên

⁵ Nguyên tên đầy đủ của bộ tộc Masei là Mako-Seichen.

⁶ Trong Phật Giáo Tây Tạng, Hộ Phật (deity) là một vị giác ngộ, là thể hiện của sự kết hợp giữa trí tuệ và từ bi, và vị Hộ Phật ấy không hề tách lìa khỏi thiền giả. Còn Bản Tôn (Yidam) là vị Hộ Phật chính mà thiền giả lựa chọn để dựa vào đó mà chuyên tâm tu tập.

Trung Masei, Lodro Rinchen, là một đệ tử thân thiết của ngài Karmapa đời thứ 5⁷ và là người đã khai lập tông phái Surmang Kagyu. Đạo sư ấy có một đệ tử tên Kunga Gyaltsen, là người sau này đã xây dựng tu viện Surmang và thiết lập một truyền thống tu tập theo giới hạnh của tăng sĩ, thay vào truyền thống trước kia của các vị hành giả du già lang thang đó đây. Trước khi tu viện được khởi công xây, những người hành giả đầu tiên trong số họ đã thường tụ họp tại những căn lều với hình dạng không cân đối làm bằng cây sậy, và do đó mà cái tên “Surmang” hay “nhiều góc cạnh” được ra đời.

Chính cha của bé Konchog Gyaltsen cũng là một thiền giả với nội lực thiền quán thâm hậu. Trong gia đình ông có tất cả năm anh em, và tất cả năm anh em đều lấy chung một người con gái làm vợ theo đúng tập tục mẫu hệ đa phu.⁸ Bà ta đến từ

⁷ Các ngài Karmapa đã luôn là những vị thủ ngôi phi thường và cực kỳ oai phong của truyền thống Karma Kagyu. Ngài Karmapa đời thứ nhất, Düsum Khyenpa (thế kỷ 12) là vị lạt ma hoá thân đầu tiên trong truyền thống Phật Giáo Tây Tạng, trước khi lìa đời đã để lại một bức thư tiên tri gồm có các chi tiết về sự tái sinh trong kiếp kế tới của ngài.

⁸ Theo tập tục Tây Tạng cổ thời, việc những người là anh em ruột lấy cùng một vợ và ở cùng trong một căn nhà là một lối sống khá bình thường. Qua cách đó, tài sản của gia đình ấy sẽ không phải bị chia nhỏ ra cho mỗi anh em.

một gia đình trong tầng lớp quý phái cao trọng, là một người đầy đà to lớn và là chị gái của ông Pei-Pei Yul Orgyen Nyima, một thủ lĩnh thuộc giòng quý tộc tại địa phương.⁹ Trong suốt nhiều năm trời sống với cả năm anh em, bà đã hạ sinh được cho họ hai con trai là Masei Chogyam and Masei Kongkyab, nhưng họ không có con gái.

Trong số năm anh em, một người ở lại nhà để chăm sóc cho vợ và gia đình. Một người khác lựa chọn để sống như một kẻ ẩn tu; ông tìm đường đi đến núi Kailash rồi sau đó đi đến Nepal, và bắt đầu nhập thất một mình. Trong số ba người còn lại, họ thường xuyên nhập thất tại một hang động tên Masei ở tại Nangchen; đây là một hang động nổi tiếng của đại sư Surmang Trungpa Rinpoche đời thứ Nhất. Trong số ba người thường tu tập tại động ấy, có một người đã qua đời.

Khi Konchog Gyaltsen được thụ thai một cách bí mật, đó là vào khoảng thời gian cha của cậu

⁹ Người thủ lĩnh này về sau trở thành một vị tướng vào năm 1958, đấu tranh chống lại sự xâm chiếm của Trung Quốc; sau đó, ông đã qua đời trong thời gian bị bắt.

đang trải qua một cuộc nhập thất dài hạn ở động Masei. Động này nằm trên một rặng núi không quá cao, muốn lên đó có thể đi bộ được. Bên trái của động Masei là làng *Dzong Dza* của cha cậu bé, cách khoảng bốn mươi phút đường bộ, và bên phải của động Masei là làng *Dong-go drong* của mẹ cậu bé.

Mẹ của bé Konchog Gyaltzen, cô Dega, là một người tính tình vui vẻ dễ mến. Vì thế người ta thuê cô làm thị giả cho ông thiền giả Mật thừa kia. Cứ độ vài ba hôm thì cô lại phải đem thức ăn, sữa chua đông lạnh và lương thực dự trữ đến cho ông ta. Thông thường cô mất khoảng một tiếng đồng hồ đi bộ từ nhà của cô ở làng *Dong-go drong* để đến được hang động Masei. Điều gì đã dẫn dắt để ông hành giả du già ngang nhiên vất bỏ qua bên những giới luật nghiêm ngặt của một thiền giả trong khi đang nhập thất, và biến cô gái nhà lành kia thành một vị nữ phối ngẫu tâm linh, làm cho cô ấy phải bị mang thai? Nào ai có thể đoán biết được vì sao.

Mối liên hệ giữa ông thiền giả du già ở động đá Masei với cô thiếu nữ-thị giả của ông tuyệt đối đã được dấu kín. Nhưng đến khi Dega nhận

biết ra rằng đây không phải chỉ là một giấc mơ, mà cô thật sự đang mang trong bụng đứa bé con của ông thiên giả, thì cô đã bẽn lẽn thì thầm tên tuổi của ông ấy cho một vài người bạn thân thiết mà cô tin tưởng nhất khi họ bắt ép cô phải khai cho họ biết cha của đứa bé là ai. Như một tên trộm nhỏ đang nhúc nhối với niềm tủi hổ riêng, cô năn nỉ họ phải giữ thật kín điều bí mật ấy. Cô cảm thấy kinh hoàng khi nghĩ rằng nếu lỡ tin này được truyền đi khắp nơi, thì việc ấy sẽ bùng nổ thành ra tai tiếng xấu xa cho đại gia đình Masei, và sẽ đem lại biết bao đau khổ cho hai mẹ con cô. Dega cho rằng cái gia đình quý phái đầy quyền lực của bà vợ cả ấy, thật sự có thể khuấy động và tạo ra nhiều vấn đề cho bản thân cô và cho gia đình của chính cô, một gia đình nhỏ bé thuộc gốc gác những người bình dân tầm thường.

Và rồi, một ngày kia, khi *duyên nghiệp* đã chín muồi, thì cái khe đá bỗng bị thôi thúc để phải bật ra một lần nứt, mọi chuyện thốt nhiên được tiết lộ và lại còn được... ẩn chứng trong một lá thư gửi đến từ trăm sông ngàn núi xa xôi diệu vợi nữa kia. Chuyện gì cần xảy ra đã phải xảy ra. Đứa bé chữa hoang, hoa trái của một tình

yêu sâu thăm thẳm, giò đây lại được tuyên nhận là một hoá thân. Một *tulku* non trẻ.



Bé Konchog Gyaltsen chẳng hề được ai cho biết về lá thư định mệnh cũng như chẳng hề biết gì về nguồn tin kinh ngạc đến rúng động mà lá thư ấy đã đem đến. Tuy thế, người ta đã bảo với cậu rằng, mẹ cậu và cậu cần phải đi đến tu viện Lho Migyel Gön ở vùng kế cận, cùng với đoàn tùy tùng có trách nhiệm đi tìm lại hoá thân kia.

Ở tại tu viện này, đại sư Drikung Chagme Rinpoché đời thứ 8 đang mong ngóng hội ngộ với cậu và đoàn tùy tùng. Thật ra, ngài Chagme Rinpoche chính là thái tử, con trai của vị Quốc Vương xứ cổ Nangchen và ngài cũng là một vị đại cao tăng thuộc giòng truyền thừa Drikung Kagyu.¹⁰ Khi ấy, bởi vì cậu bé Konchog

¹⁰ Đạo sư Karma Chagme Rinpoché đời thứ Nhất, Raga Asei (1603-1772), là vị minh sư chứng ngộ với sở học uyên bác, đã được tiên tri về sự chào đời của ngài. Ngài đã trước tác tập luận giải nổi tiếng có tên là “Cẩm Nang Ân Tu Trên Núi” (Ri-Chu). Do sự thỉnh cầu của cả hai tu viện Nyemdho (thuộc giòng Karma Kagyu) và tu viện Lho Migyel (thuộc giòng Drikung Kagyu), đại sư Chagme Rinpoché đời thứ Nhì vào lúc lìa đời đã cho biết là trong những kiếp vị lai, sẽ có hai hoá thân của ngài trong mỗi kiếp. Vì thế, bắt đầu kể từ ngài Chagme

Gyaltsen hãy còn bé lắm, cậu không thể một mình một ngựa mà phải ngồi trên lòng của mẹ cậu trên ngựa để đi đến tu viện Lho Migyel Gön.

Ở tại đó, cậu nhớ là người ta đã chỉ cho cậu xem một số pháp bảo thiêng liêng. Trong số đó, người ta bảo cậu hãy lựa ra những món đồ của cậu trong tiền kiếp, và khi bé Konchog Gyaltsen nhận diện ra được tất cả bảy món pháp bảo thuộc về đạo sư Gar Rinpoche đời thứ 7 thì điều này làm cho mọi người vô cùng hoan hỉ. Chẳng hiểu tại sao khi người ta muốn trắc nghiệm cậu và ra lệnh cho cậu phải lựa ra lại các món pháp bảo của đời trước thì cậu thực sự không tỉnh thức về diễn tiến này cho lắm. Giống như là mọi việc đều xảy ra một cách hết sức tự nhiên, vô tư – cậu có cảm giác mọi việc thật vô cùng tự nhiên, chẳng cần phải dụng công chi cả.

Cuối cùng, người ta đưa bé Konchog Gyaltsen bước vào đến bên trong chánh điện. Ở đó, cậu nhìn thấy trước mặt cậu một dãy các pho tượng

Rinpoché đời Thứ Ba trở đi cho đến nay, lúc nào cũng có truyền thống hoá thân của hai vị: một vị Chagme Rinpoché thuộc Karma Kagyu và một Chagme Rinpoché thuộc Drikung Kagyu.

đúc bằng vàng và đồng, được trang trí thật tuyệt mỹ. Người ta nói cho cậu biết những pho tượng này là biểu tượng của các vị đạo sư vĩ đại trong quá khứ, là những vị đã đạt được những phẩm hạnh tốt cùng cao quý của trí tuệ bát nhã siêu việt, đã bước trên con đường xả ly và đã đạt đến giải thoát viên mãn. Bé Konchog nhìn ngắm tất cả những pho tượng đó như mê mẩn. Trước đây, cậu chưa từng bao giờ được nhìn thấy những hình ảnh nào cao sang, đẹp tuyệt vời như thế cả!

Nhưng rồi, chỉ trong khoảnh khắc, cậu đã nhớ ra.

“Trong số các vị đạo sư này, ai là bậc Sư Phụ, là Bổn Sư tôn quý của cậu? Ai là *Đạo Sư gốc*, là *tsawei Lama* của cậu”? Bây giờ, hãy chỉ tay vào vị ấy đi!” Có người đã đến bên cậu và lên tiếng hỏi như thế.

Vào ngay giây phút đó, bé Konchog Gyaltsen vụt đưa tay ra, chỉ ngay vào một trong những pho tượng ấy và đồng dục nói:

“Đây là *Lama* của tôi!”

Khuôn mặt của pho tượng này ¹¹ cơ hồ như có một sức thu hút thật mạnh mẽ đối với cậu, và điều này vượt lên trên những gì mà cậu có thể nắm bắt để hiểu được. Đó là một pho tượng khá lớn. Điều mà cậu cảm nhận được, và cái cách thức mà cậu cảm nhận ra được điều đó, tất cả đều quá mới mẻ đối với cậu. Đây thực sự là một điều kỳ dị mà bản thân cậu chẳng thể nào cắt nghĩa được. Tư thế ngồi thiền của vị đạo sư, y áo của ngài, chiếc mũ đại lễ màu đỏ thẫm, cặp mắt ngó chăm chăm, bàn tay trái trong ấn thiền định và bàn tay phải đang bắt ấn nhiếp phục ¹²— hợp chung lại thì tất cả những chi tiết ấy như đang uơm vào trong tim của bé Konchog Gyaltzen một cái gì đó thật vô cùng quen thuộc, mà đồng thời lại chẳng thể nào cắt nghĩa được tại sao.

“Đây là *Lama* của tôi!”

¹¹ Trong quá khứ, đôi khi có một sự nhầm lẫn khi người ta ghi lại rằng đại sư Gar Rinpoché đời thứ 8 đã chỉ vào một bức tranh *thangka* có hình Pháp Vương Jigten Sumgon thay vì chỉ vào một pho tượng. (GL).

¹² Thủ ấn là biểu tượng của các tư thế và điệu bộ khác nhau của bàn tay, được sử dụng trong các pháp thiền hay các nghi lễ Mật tông.



Vị đạo sư có duyên tiên kiếp với cậu, *tsawei Lama* của cậu, chính là Pháp Vương Jigten Sumgön, là vị đại thánh giả mang tên Drikungpa Ratna Shri. Người ta đã nói cho cậu biết là như thế. Đây là bậc thầy vĩ đại đã được tiên tri trong rất nhiều Kinh điển và Mật điển, là người được coi như là hóa thân của đức Long Thọ Bồ Tát (Nagarjuna),¹³ và là người đã được chính bậc tôn sư tâm linh của mình, ngài Phagmodrupa, tuyên gọi bằng danh hiệu "*Hộ Pháp Của Cả Ba Cõi.*"

Trong suốt cả buổi hội ngộ, cậu cứ tiếp tục nhìn chăm chăm vào khuôn mặt của pho tượng ấy – *Lama của cậu*. Khuôn mặt ấy tràn ngập trong tâm trí của bé Konchog, và hình như, đang muốn phóng vọt ra để nói chuyện với cậu nữa kìa...



¹³ Ngài Long Thọ hay Nargajuna (chào đời khoảng năm 150 - qua đời khoảng năm 250) là một nhà sư và triết gia người Ấn, và là người đã thiết lập nên trường phái Trung Quán (Madhyamaka) của Phật Giáo.

Sau khi cậu đã vượt qua được những cuộc trắc nghiệm, và người ta gần như có thể đoán chắc rằng cậu bé trai này chính là *tulku* – là vị hoá thân mới của giòng hoá thân Garchen, thì ngay sau đó, các vị sư trong tu viện đã đem bé Konchog Gyaltsen ra ngoài sân để dội nước tắm rửa như là một phần của nghi thức thanh tẩy.

Các vị sư ấy đã cởi bỏ lớp quần áo cũ ra khỏi cậu và bắt đầu dội nước lên người cậu! Những giọt nước lạnh buốt chẳng khác nào như nước đông đá, hoặc gần gần là như vậy! Cái thứ nước mà các vị sư ấy đã dội lên người cậu, sao lại có thể cóng buốt đến thế cơ chứ, đến nỗi cậu có cảm giác rằng cậu đang bị quăng vào ngay giữa một giòng sông giá băng! Cho đến tận ngày hôm nay, Konchog Gyaltsen vẫn như chưa thể nào quên được lần dội nước tắm rửa mà cậu đã phải hứng chịu nhân cái dịp đặc biệt ấy. Cậu đứng đó run cầm cập, toàn thân tê cóng trong khi những giọt nước tẩy tịnh đã được gia trì tiếp tục được các vị sư tưới lên người, giúp làm trôi đi vô lượng vô số bụi bân – những ô trược bên ngoài của cậu.

Rồi các nhà sư đem cậu trở lại vào bên trong để cạo tóc, thế phát cho cậu và mặc vào cho cậu một bộ y mới, sẫm màu hoa trạng nguyên. Đại sư Chagme Rinpoché đời thứ 8 là người đã cắt tóc trên đỉnh đầu cậu và ban cho bé Konchog Gyaltzen giới nguyện quy y. Cậu được ban cho pháp danh *Konchog* (Cao Quý) *Ngedun* (Chân Đê) *Tenpei* (Giáo Pháp) *Nyima* (Mặt Trời).

Mặt Trời Giáo Pháp của Chân Đê Cao Quý – Đại Tôn Sư Kyabje Garchen Triptrül Rinpoche đời thứ 8! *Kyabje* có nghĩa là Pháp Vương Hộ Trì. *Garchen* nghĩa là Toàn Vùng Gar. *Trip* nghĩa là Người Năm Giữ. *Trül* nghĩa là Pháp Toà. *Triptrül* chính là vị Thủ Ngôi đương thời.

Và *Rinpoché*, nghĩa đen là Bạc Tôn Quý, là một danh hiệu thông thường được ban cho những vị đạo sư hóa thân cao trọng.

Trải qua nhiều thế hệ tại tu viện Gar, theo truyền thống thì có tất cả ba vị *tulku* hay đạo sư hoá thân, đây là những vị được công nhận là các bậc minh sư cao trọng: Garchen Rinpoché, Gar

Mingyur Rinpoché và Gar Namdrul Rinpoché ¹⁴ nhưng chỉ riêng có Garchen Rinpoché là người được ban cho pháp hiệu Thủ Ngôi *Triptrül*. Trong trường hợp này, danh hiệu *Garchen Rinpoche*, hay *Bậc Tôn Quý Toàn Vùng Gar*, ám chỉ vị Thủ Ngôi đương thời, là người có trách nhiệm chăm sóc toàn vùng Nangchen rộng lớn, chứ không phải chỉ riêng ngôi làng Gar bé nhỏ mà thôi.

Kể từ ngày hôm đó trở đi, mọi người bắt đầu gọi cậu Konchog Gyaltsen bằng danh hiệu Garchen Rinpoché – *Bậc Tôn Quý Toàn Vùng Gar* – hay Garchen Tulku – *Bậc Hóa Thân Toàn Vùng Gar*. Rất nhiều người, đặc biệt là những người dân sống trong làng Gar, đã quen gọi sư phụ của họ bằng danh hiệu Gar Rinpoché – *Bậc Tôn Quý đến từ Gar*, và cách gọi tắt này cũng là cách gọi thân

¹⁴ Hiện tại, đại sư Garchen Rinpoché là hoá thân đời thứ 8 của vị Garchen Rinpoché tiền nhiệm, và Gar Namdrul Rinpoché và Gar Mingyur Rinpoché là hoá thân đời thứ 4 của hai vị tiền nhiệm. Tuy thế, trong những năm gần đây tại Tây phương và tại Á Châu, có những lời phát biểu cho rằng cả ba vị Rinpoché đều là hiện thân của thân, khẩu, ý của đại sư Garchen Rinpoché đời trước. Điều này chưa bao giờ được nghe thấy ở Tây Tạng (theo Gape Lama, i.e., GL)

mật mà từ nhiều thế hệ qua đã trở thành quen thuộc đối với nhiều người.¹⁵

Đối với mẹ cậu thì cậu không còn là bé Kon-Gyam nữa. Ngay cả bà bây giờ cũng bắt đầu gọi cậu bằng *Rinpoché – Bạc Tôn Quý*. Cậu không còn là của bà để nâng niu, ôm ấp vào lòng, mà cậu là vị hoá thân đã phát tâm quay trở lại cõi thế gian này nương vào hạnh nguyện vô cùng mãnh liệt từ nhiều đời kiếp trước. Trở lại cõi thế gian này, để tiếp tục hoá độ và dẫn dắt chúng sinh ra khỏi những đau khổ triền miên do họ tự gây ra, và giúp họ biết tìm về con đường chân chính đưa đến giải thoát viên mãn. Trong lòng của mẹ cậu, lời nói của vị sư già, Sư Ông *Lagin Konchog Tengye*, vẫn còn như vang vọng... *“Chỉ cần chúng ta được ngồi bên dưới cậu ấy là cũng sẽ vô cùng may mắn cho chúng ta rồi!”* Những câu nói mà vị đạo sư thông tuệ đã từng thốt ra, vào cái ngày đầu tiên bà đưa con trai mình đến thiền

¹⁵ Tại miền đông Tây Tạng, người dân Tây Tạng đã quen gọi đại sư Garchen Rinpoché là *“Gar Rinpoché,”* xem đây như là một lối gọi tắt danh hiệu của ngài, một lối gọi rất thân mật. Tuy nhiên, nếu muốn gọi một cách lịch sự và kính trọng thì nên gọi bằng *“Garchen Rinpoché.”* Thêm vào đó ở Tây Tạng, cũng còn có thói quen gọi đại sư Garchen Rinpoché là *“Lama Garchen.”* (GL)

thất của Sư Ông để làm lễ quy y... Những câu nói ấy giờ đây như được vén mở, rõ ràng sáng tỏ và chói lòa, y như một bầu trời rực nắng không một gợn mây.

Những lời khai thị của **Đại Sư Garchen Rinpoché**
gửi tác giả...

Đối với bất cứ một người đệ tử nào khi viết về cuộc đời của sư phụ của người ấy thì đó cũng giống như là đang kết nối một cách trực tiếp với thân, khẩu và ý của sư phụ vậy. Bây giờ, con đang viết quyển tiểu sử [của Thầy], là có một nhân duyên tiền định giữa chúng ta với nhau. Cho nên giấc mơ mà con đã thấy, rõ ràng đó là một điềm báo trước.

Con cũng nên chí tâm chí thành khẩn nguyện Đức Quan-Âm Tara để cho trái tim của con trở thành một với Tara. Đến khi đó, con sẽ hiểu, và con sẽ có thể viết về Thầy. Đức Quan-Âm Tara là Bản Tôn của Thầy. Ước nguyện của Thầy là noi theo bước chân của ngài để làm lợi lạc chúng hữu tình, và bản thân Thầy cũng cầu nguyện không ngơi nghỉ rằng Thầy [luôn luôn hợp nhất], không bao giờ xa cách ngài.

Không phải rằng sau khi Thầy chết, Thầy muốn có được chút danh tiếng qua một quyển sách xuất bản về Thầy. Tất cả những gì mà Thầy đã chia sẻ với con về cuộc đời Thầy, tất cả niềm vui cũng như nỗi khổ, nhất nhất đều là nhân quả không thể nào sai, nhất nhất đều

là Giáo Pháp. Thầy chỉ muốn trùng tuyên Giáo Pháp để đem lại lợi lạc cho chúng sinh, và như thế, qua tác phẩm này, con đang giúp thực hiện việc ấy. Thầy biết rằng con đang viết quyển sách này với một tình yêu rất lớn, và vì thế mà nhiều người sẽ trân quý nó. Khi người ta đọc những câu chuyện về cuộc đời Thầy, nguyện cho những tư tưởng yêu thương, từ bi, và sự hiểu biết về Đạo Pháp sẽ khởi sinh trong giòng tâm thức của họ!

Cho nên xin cảm ơn con đã thỉnh cầu và đã làm công việc viết tiểu sử. Thầy biết là con đã gặp nhiều khó khăn vất vả từ khi khởi sự viết sách này từ năm 2003 nhưng Thầy cũng vô cùng hoan hỉ là con đang ghi chép lại câu chuyện đời Thầy để làm lợi lạc chúng sinh. Thầy ôm giữ con và tất cả chúng sinh bằng tình yêu thương – tuchay je (xin cảm ơn).

Đây là tất cả những gì Thầy muốn nói với con...

Garchen Rinpoché, Konchog Gyaltsen

***Những lời khai thị trên đây đại sư Garchen Rinpoché đã nói với tác giả và đã được thầy Khenpo Tamphel thông dịch vào ngày 4 tháng 2, 2003, thầy A Bo Lama thông dịch vào ngày 12 tháng 12, 2008 và Ina Bieler thông dịch vào ngày 13 tháng 12, 2008 tại Southwest Buddhafield, Garchen Buddhist Institute,*

Chino Valley, Arizona. Sau khi những lời khai thị trên đây được chép lại ra [từ băng thâu âm] và được trình bày trong hình thức một lá thư, Garchen Rinpoché đã duyệt lại và ký tên vào ngày 15 tháng 12, 2008.

Lời Bạt...

Tuyển tập nhỏ bé này đã được thực hiện nhân đại lễ thượng thọ cát tường của Đại Sư Kyabje Triptrul Garchen Rinpoché đời thứ 8, Konchog Gyaltsen, được tổ chức vào ngày 25 tháng Hai, 2009, cùng với lễ hội Losar và kỷ niệm 10 năm thành lập trung tâm Garchen Buddhist Institute tại Chino Valley, Arizona. Tuyển tập này bao gồm: “Thư Cho Thầy, Lạt Ma Của Nhiều Đời Kiếp,” một bút ký giới thiệu về lịch sử hình thành của quyển tiểu sử của Garchen Rinpoché, tiếp theo bằng hai chương đầu tiên của quyển tiểu sử, gồm có Chương Một “Chào Đời và Thời Thơ Ấu ở Dong-go” và Chương Hai “Hoá Thân.”

Toàn bộ tiểu sử của Garchen Rinpoché, “Lạt Ma Của Nhiều Đời Kiếp: Chạm Được Vào Trái Tim Sinh Động Của Thầy” vẫn còn đang trong giai đoạn thực hiện... và hy vọng rằng, một ngày kia, tiểu sử ấy sẽ được hoàn tất khi tác giả đã có thể thể hiện được một phần nào lời khai thị tâm yếu của Bốn Sư!

Xin gửi những lời cảm tạ chân thành đến đại sư Traga Rinpoché, thầy thị giả Bu Nima và thầy thị giả A Bo đã rất nhân từ và khuyến khích tác giả; đến thầy Khenpo Tamphel và cô Meghan Howard đã giúp thông dịch các

buổi phỏng vấn vào năm 2003 và 2005 – hai chương đầu đã được biên soạn dựa trên những buổi phỏng vấn này; đến thầy Gape đã vô cùng kiên nhẫn giúp làm sáng tỏ nhiều vấn đề và đóng góp ý kiến sâu sắc; đến cô Ina Bieler đã giúp thông dịch những đóng góp ý kiến của thầy Gape; và đặc biệt hơn cả, đến Bertrand Odelys Sauzier là người đã bày tỏ niềm tin và lòng yêu mến chân thành đối với đề án tiểu sử này, đã luôn quan tâm, hỗ trợ và đóng góp rất nhiều ý kiến quý giá trong phần hiệu đính. Cũng xin gửi những lời cảm ơn đến Donna Guthrie và Carol Bailey đã đóng góp thêm những ý kiến khác; và đến Konchog Thogme và nhà in Andrew Printing (Kim Lai Ấn Quán) đã bố thí tịnh tài và bảo trợ cho việc in ấn những tuyển tập này.

Và đến với tất cả các đệ tử của đại sư Garchen Rinpoché – những huynh đệ tử muội Kim Cang yêu quý, trong khi chúng ta đang cùng nhau bước đi trên chuyển du hành dẫn đến trái tim sinh động của Thầy, xin hãy hiểu rằng đề án tiểu sử này thật ra chỉ là một hoá hiện của chính tình yêu thương và lòng quy ngưỡng của các bạn đối với Thầy của chúng ta và với những giáo lý mà ta đã được thọ nhận từ Thầy. Nguyện cho tất cả chúng ta, ở cuối cuộc hành trình, sẽ tỉnh giác trọn vẹn để đến được với oai lực của tâm giác ngộ và lòng từ bi không bao giờ rời cạn trong Thầy... Và nương vào chút thiện đức nhỏ nhoi của công việc

biên soạn tiểu sử này, cùng với cộng duyên hướng đến thành tựu tâm linh của tất cả chúng ta, nguyện cho tất cả chúng sinh sẽ mau chóng bước vào con đường Đạo, và cuối cùng, sẽ đạt được giải thoát viên mãn tối thượng.

*Từ đáy lòng,
xin chấp tay búp sen...*

*Tâm Bảo Đàn
Ngày 14 tháng 2, 2009*

*Thư Cho Thầy, Lạt Ma Của Nhiều Đời Kiếp:
Giới Thiệu Về Tiểu Sử Của Đại Sư Garchen Rinpoché
© 2009-2010 Garchen Rinpoché & Sue-Sue Luu*

*Tài liệu này đã được sáng tác bằng Anh ngữ,
sau đó được tác giả phỏng dịch qua Việt ngữ
và ký dưới tên Tâm Bảo Đàn.*

Bản Anh ngữ có thể được tìm thấy tại:

*[http://www.vietnalanda.org/Teachers/Letter%20toMyTeacher
Biography_Garchen%20Rinpoche_SSL_2009.pdf](http://www.vietnalanda.org/Teachers/Letter%20toMyTeacher
Biography_Garchen%20Rinpoche_SSL_2009.pdf)*

*Bức hình bìa là danh hiệu của đại sư Garchen Rinpoché được
viết bằng Tạng văn. Hình chụp: Katherine Lambert*

*Tấm hình nhỏ phía dưới danh hiệu của đại sư
Garchen Rinpoché là một cái đèn nhỏ hình lá bồ đề.*

*Những chú thích trong các chương sách chủ yếu là để cho
những độc giả thông thường không quen thuộc với các
khái niệm trong truyền thống Phật Giáo Tây Tạng,
hoặc với lịch sử và văn hoá Tây Tạng.*

*Muốn đóng góp, ý kiến hoặc muốn tìm hiểu thêm về đề án
tiểu sử của đại sư Kyabje Triptrul Garchen Rinpoché,
xin liên lạc: suesueluu@yahoo.com*